



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 49/2021
Từ 13/12 - 17/12/2021

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỂ LÀM LỢI THIẾT THỰC CHO NGƯỜI DÂN, GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ LỚN CỦA ĐẤT NƯỚC

Phát biểu tại Diễn đàn Quốc gia phát triển doanh nghiệp công nghệ số, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh cần phát huy mạnh mẽ tinh thần tự lực, tự cường trong chuyển đổi số, làm lợi thiết thực cho người dân, tham gia giải quyết những vấn đề lớn của đất nước, góp phần thực hiện mục tiêu cuối cùng là nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc, đất nước ngày càng hùng cường, thịnh vượng.



Phát biểu tại Diễn đàn, Thủ tướng Phạm Minh Chính nhấn mạnh hoạt động chuyển đổi số phải tham gia tích cực vào một số lĩnh vực, tập trung vào một số nhiệm vụ lớn như thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế, phát triển theo chiều sâu, phát triển bền vững, phát triển xanh; phòng chống dịch bệnh COVID-19, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Chiều ngày 11/12, tại Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số đã dự và phát biểu tại Diễn đàn Quốc gia phát triển doanh nghiệp công nghệ số lần thứ III.

Diễn đàn do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức ngay trước Ngày Doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam - ngày 12/12 hằng năm.

Đưa Việt Nam nhanh chóng trở thành một quốc gia số

Đây là sự kiện lớn nhất trong năm dành cho các doanh nghiệp công nghệ số, cộng đồng nghiên cứu phát triển công nghệ, các nhà quản lý và đầu tư. Diễn đàn cũng là nơi chia sẻ, truyền cảm hứng, đề xuất các giải pháp sáng tạo, ý tưởng để huy động nguồn lực nhằm phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.

Chủ đề của Diễn đàn năm nay là “Chuyển đổi số - động lực phục hồi và phát triển kinh tế”. Các diễn giả đã tập trung bàn về các giải pháp đột phá giúp các ngành, lĩnh vực phục hồi và phát triển bền vững, đồng thời phân tích nhu cầu chuyển đổi số trong các ngành như du lịch, logistics, nông nghiệp, y tế, năng lượng...

Theo Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng, cho tới nay, Việt Nam đã có 64.000 doanh nghiệp công nghệ số, với doanh thu năm 2021 lên tới hơn 135 tỷ USD. Năm 2021, mặc dù đại dịch bùng phát mạnh nhưng số lượng doanh nghiệp và doanh thu của các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam vẫn tăng trưởng gần 10%. Cũng trong năm nay, đã có nhiều hơn các sản phẩm số Việt Nam tiêu biểu hướng vào việc giải các “bài toán” Việt Nam, đã có nhiều hơn số sản phẩm ra nước ngoài, thứ hạng Việt Nam về công nghệ số đã tăng lên. Theo Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng, Việt Nam đã sẵn sàng chuyển đổi số mạnh mẽ, với một thị trường trẻ, đủ lớn để có thể nhanh chóng thương mại hoá các ý tưởng số mới; nhiều doanh nghiệp công nghệ số năng động.

Cũng tại Diễn đàn, Bộ Thông tin và Truyền thông đã trao giải thưởng sản phẩm công nghệ số Make in Vietnam năm 2021; đồng thời, công bố lần thứ nhất các nền tảng chuyển đổi số quốc gia để tạo nền móng thúc đẩy kinh tế số, xã hội số. 35 nền tảng đã được giao cho từng doanh nghiệp xây dựng, có mục tiêu, có thời gian, có cơ chế hỗ trợ. Bộ trưởng đề nghị các doanh nghiệp công nghệ số hãy nhận lấy trách nhiệm phát triển các nền tảng chuyển đổi số quốc gia.

“Những nền tảng số này sẽ giúp cho Việt Nam nhanh chóng trở thành một quốc gia số, tạo thành động lực tăng trưởng bền vững, để Việt Nam trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao vào năm 2045. Việt Nam hùng cường thịnh vượng và hạnh phúc là một việc vĩ đại. Sẽ có những con người vĩ đại và những doanh nghiệp vĩ đại được sinh ra trong công cuộc này”, Bộ trưởng nói.

Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng khẳng định: Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số do Thủ tướng Chính phủ đứng đầu đã thể hiện cam kết mạnh mẽ. Phiên họp đầu tiên của Ủy ban sau khi được kiện toàn ngày 30/11/2021 đã thống nhất các vấn đề về nhận thức, cách tiếp cận của Việt Nam, bám sát tầm nhìn và các chiến lược quốc gia về hạ tầng số, công nghiệp công nghệ số, Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, từ đó đề ra kế hoạch cụ thể cho năm 2022. Theo Bộ trưởng, các chỉ đạo, các định hướng của Thủ tướng Chính phủ về nhận thức số, thể chế số, hạ tầng số, nhân lực số, đổi mới sáng tạo số và doanh nghiệp số sẽ là kim chỉ nam cho cộng đồng doanh nghiệp số.

Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội Lê Quang Huy cho rằng, việc hoàn thiện thể chế để xây dựng quốc gia số có vai trò rất quan trọng, thể chế cần đi trước, phát huy vai trò kiến tạo. Phân tích những thách thức trong quá trình này, ông Huy nhấn mạnh, cần cân nhắc rất kỹ lưỡng trước khi ban hành các chính sách và trong trường hợp cần thiết, có thể ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát, một số chính sách tại Việt Nam đã được ban hành theo hướng này. Rất nhiều quốc gia tuy hạn chế tiềm lực, nhưng có

bước đi phù hợp, đặc biệt là trong hoàn thiện thể chế đã tạo ra bước tiến vượt bậc trong chuyển đổi số và phát triển kinh tế, ông Lê Quang Huy nhận định.

Cùng làm, cùng hưởng, lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ

Phát biểu tại sự kiện, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cho biết Đảng, Nhà nước đã có các chủ trương, đường lối, chính sách liên quan tới chuyển đổi số, chúng ta cần triển khai đồng bộ, hiệu quả hơn nữa trong thời gian tới. Thủ tướng Chính phủ chia sẻ với các đại biểu một số suy nghĩ về chuyển đổi số với quan điểm “cùng làm, cùng hưởng, lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ” giữa Nhà nước, người dân và doanh nghiệp.

Qua Diễn đàn, Thủ tướng Chính phủ bày tỏ vui mừng khi thấy các doanh nghiệp, người dân và các bộ, ngành, địa phương đã vào cuộc, tham gia tích cực để thúc đẩy chuyển đổi số tại Việt Nam, tạo ra nhiều sản phẩm thiết thực, phù hợp với tình hình và yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn, góp phần làm lợi cho người dân, đưa đất nước ta ngày càng phát triển.

Đồng thời, ông cũng bày tỏ trăn trở, lo lắng bởi trong quá trình chuyển đổi số, các mục tiêu có tham vọng lớn, yêu cầu cao, nhưng thời gian rất có hạn. “Giải quyết mâu thuẫn này thế nào để tại diễn đàn sang năm, các sản phẩm có số lượng nhiều hơn, chất lượng cao hơn, người dân được lợi hơn, đây là thách thức lớn trong điều kiện hiện nay. Năm 2022, mà các sản phẩm không tốt hơn năm nay thì diễn đàn có hoành tráng đến mấy cũng không vui, không xứng đáng với mong mỏi của nhân dân”, Thủ tướng Chính phủ chia sẻ.

Người đứng đầu Chính phủ nhấn mạnh một số định hướng lớn trong chuyển đổi số. Theo đó, chuyển đổi số là xu thế tất yếu của thế giới, là yêu cầu khách quan của sự phát triển. Do đó, chuyển đổi số cần cách tiếp cận toàn cầu, không thể làm một mình mà phải hợp tác và học hỏi các quốc gia, các đối tác, bạn bè quốc tế.

Bên cạnh đó, chuyển đổi số tác động tới tất cả mọi người dân, nên cần cách tiếp cận toàn dân, lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và là động lực. Chính sách chuyển đổi số phải hướng đến người dân và doanh nghiệp. Người dân và doanh nghiệp phải tích cực, chủ động tham gia hiệu quả vào quá trình chuyển đổi số.

Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh yêu cầu phải phát huy tinh thần dân tộc trong chuyển đổi số. Truyền thống của dân tộc Việt Nam là càng khó khăn, thách thức, càng đoàn kết, nỗ lực phấn đấu vươn lên, vượt qua, khẳng định và trưởng thành. Trong chuyển đổi số, chúng ta phải phát huy mạnh mẽ tinh thần tự lực tự cường, đi lên từ bàn tay, khối óc, khung trời, cửa biển của mình, nguồn lực bên trong (với ba trụ cột là con người, thiên nhiên, truyền thống văn hóa-lịch sử) là cơ bản, lâu dài, chiến lược, quyết định, còn nguồn lực bên ngoài (gồm nguồn vốn, công nghệ, năng lực quản trị...) là quan trọng và đột phá.

Trả lời câu hỏi: "Chuyển đổi số tham gia những vấn đề gì", Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh hoạt động chuyển đổi số phải tham gia tích cực vào một số lĩnh vực, tập trung vào một số nhiệm vụ lớn như thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế, phát triển theo chiều sâu, phát triển bền vững, phát triển xanh; phòng chống dịch bệnh COVID-19, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; ứng phó các thách thức như biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên, già hóa dân số...

Thủ tướng Chính phủ lưu ý, phải tránh cả hai khuynh hướng là chủ quan, nóng vội và trì trệ, bảo thủ. Những vấn đề đã “chín”, đã rõ, được thực tiễn chứng minh là đúng, thực hiện có hiệu quả, được đa số đồng tình thì tiếp tục thực hiện; những vấn đề chưa có quy định hoặc vượt quy định thì mạnh dạn thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, mở rộng dần, không cầu toàn, không nóng vội. “Đường gần mấy không đi thì không bao giờ đến, đường xa đến mấy mà đi ắt sẽ đến”, Thủ tướng Chính phủ chia sẻ.

Cấp bách chuyển đổi số trong một số lĩnh vực

Về các nhiệm vụ cụ thể thời gian tới để thúc đẩy chuyển đổi số, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, trước hết phải tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành trên cơ sở bám sát thực tiễn, tôn trọng thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo. Đồng thời, nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số ở tất cả các cấp, các ngành, người dân và doanh nghiệp.

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh yêu cầu xây dựng và hoàn thiện thể chế, khung khổ pháp lý cho chuyển đổi số. “Nếu không có thể chế phù hợp thì sẽ cản trở sự phát triển. Thể chế không thể phủ hết các trường hợp, các góc cạnh của cuộc sống nên phải hết sức chủ động, linh hoạt, phát hiện kịp thời các khó khăn, vướng mắc, bất cập để sửa đổi, bổ sung kịp thời, đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn. Thể chế cần ở đâu thì làm ở đó, vướng mắc ở đâu thì tháo gỡ ở đó, thiếu hụt ở đâu thì bù đắp ở đó”, Thủ tướng Chính phủ phát biểu.

Cùng với đó, tăng cường vai trò của quản lý nhà nước để tạo điều kiện thông thoáng cho phát triển doanh nghiệp công nghệ số. Các cơ quan Nhà nước tập trung xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách, quy hoạch, chiến lược, kế hoạch, huy động nguồn lực, đánh giá, giám sát, thanh tra, kiểm tra, khen thưởng và kỷ luật... Điều này phải thực hiện trên cơ sở tôn trọng, hiểu biết, tương tác, hợp tác, chia sẻ và thấu hiểu, cảm thông giữa các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp một cách hết sức chủ động, tích cực.

Thứ tư, đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực số và tài chính số. Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh, nếu không có công dân số thì Chính phủ số, xã hội số, kinh tế số không thể phát triển. Đồng thời, có các giải pháp phù hợp để huy động nguồn tài chính theo tinh thần “biến không thành có, biến khó thành dễ, biến không thể thành có thể”.

Thứ năm, chuyển đổi số phải dựa trên nền tảng đổi mới sáng tạo, có kế thừa, ổn định, đổi mới và phát triển. Xây dựng cơ chế, chính sách để phát huy mạnh mẽ tinh thần đổi mới sáng tạo, làm chủ công nghệ mới, sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Việt Nam. “Đổi mới sáng tạo không tách rời việc kế thừa. Đổi mới sáng tạo có động lực từ khó khăn, thách thức và đặt ra mục tiêu cao hơn khả năng của mình. Đổi mới sáng tạo phải bám sát thực tiễn”, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh.

Nhiệm vụ thứ sáu là phát triển hạ tầng số, dữ liệu và quản trị số. Nhấn mạnh vai trò của dữ liệu và chỉ ra một số bất cập trong việc xây dựng và kết nối dữ liệu tại Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, không có dữ liệu thì không có trí tuệ nhân tạo, dữ liệu cần được tích lũy, tập hợp, xây dựng, lưu trữ và khai thác có hiệu quả. Các Bộ, ngành, địa phương khẩn

trương xây dựng, hoàn thiện và vận hành các hệ thống cơ sở dữ liệu, củng kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu để phục vụ tổ chức, người dân, doanh nghiệp.

Nhân dịp này, nhắc lại yêu cầu triển khai các chỉ đạo rất quan trọng của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc vừa qua, Thủ tướng Chính phủ lưu ý cần chú trọng, đầu tư hơn nữa cho việc xây dựng dữ liệu về truyền thống văn hóa lịch sử hào hùng của dân tộc, về các di sản, danh lam thắng cảnh của đất nước..., từ đó, phát triển công nghiệp văn hóa, phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn...

Thủ tướng Chính phủ cũng nêu rõ, cần cấp bách thúc đẩy chuyển đổi số trong các lĩnh vực ngân hàng, thuế, hải quan, đất đai, logistics, giáo dục và đào tạo...

Gửi lời chúc mừng các cơ quan, doanh nghiệp tham dự sự kiện, nhất là các doanh nghiệp đạt giải thưởng cao lần này, Thủ tướng Chính phủ bày tỏ vui mừng khi thấy các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đều có “tư tưởng đã thông, quyết tâm đã cao”, trong thời gian tới, nỗ lực phải lớn, hành động phải quyết liệt, hiệu quả, có trọng tâm trọng điểm, góp phần thực hiện mục đích cuối cùng, điều khát khao lớn nhất của cả dân tộc ta là nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc, đất nước ngày càng hùng cường, thịnh vượng.

Nguồn: baochinhpvu.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: HOÀN THIỆN THỂ CHẾ ĐỂ TOÀN DÂN THAM GIA ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Phát biểu tại Ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh, chúng ta cần một phong trào đổi mới sáng tạo mạnh mẽ hơn nữa, sâu rộng hơn nữa; đổi mới sáng tạo phải triển khai đồng bộ, tổng thể, liên thông, toàn diện, bao trùm ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị, doanh nghiệp; đổi mới sáng tạo phải trở thành phong trào, truyền cảm hứng, thu hút sự tham gia của tất cả mọi người dân, không phân biệt độ tuổi, vùng miền, giới tính...

Chiều ngày 14/12, tại Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính dự và phát biểu tại chương trình “Dấu ấn TECHFEST và WHISE 2021”. Đây là sự kiện tâm điểm nằm trong chuỗi hoạt động Ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia TECHFEST 2021 kết hợp cùng Tuần lễ Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp TP. Hồ Chí Minh (WHISE 2021), do Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp cùng Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh, Bộ Ngoại giao cùng nhiều đơn vị tổ chức từ tháng 9/2021 đến tháng 12/2021. Sự kiện được kết nối trực tuyến với nhiều điểm cầu trong nước và quốc tế.

Trong khuôn khổ chương trình, các đại biểu đã tham dự diễn đàn đối thoại cấp cao với chủ đề “Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo mở”. Chia sẻ kinh nghiệm của quốc gia, ông Nadav Eshcar, Đại sứ Israel tại Việt Nam, cho biết một yếu tố chiến lược của Israel là

huy động nguồn vốn nhà nước phục vụ cho hoạt động nghiên cứu phát triển. "Chúng tôi giành tới 4,9% GDP cho nghiên cứu và phát triển và có cơ quan về đổi mới sáng tạo. Đây tương đương như một Bộ để điều phối hệ sinh thái đổi mới sáng tạo", ông nói và cho biết cơ quan này đưa ra các hình thức hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp startup. Bài học của Israel cũng cho thấy, cơ chế, chính sách của nhà nước có giá trị hơn nhiều sự hỗ trợ về vật chất của nhà nước với các hoạt động đổi mới sáng tạo.

Theo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Huỳnh Thành Đạt, năm 2021, mặc dù trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhưng nguồn tài chính đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam lại tăng cao chưa từng thấy trước đó. Hơn 1,5 tỷ USD đã được ghi nhận đầu tư cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam, cao nhất từ trước tới nay. Trong hệ sinh thái, hiện có khoảng hơn 1.000 tổ chức có năng lực hỗ trợ khởi nghiệp, hơn 140 trường đại học, cao đẳng tổ chức hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, các doanh nghiệp, tập đoàn lớn cũng tham gia tích cực vào hoạt động này. Năm 2021, Việt Nam xếp thứ 44/132 quốc gia và nền kinh tế về đổi mới sáng tạo toàn cầu, tiếp tục giữ vị trí đứng đầu trong 34 quốc gia có thu nhập trung bình thấp.

Bộ trưởng Huỳnh Thành Đạt cho biết, một trong những điểm nổi bật của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của Việt Nam là đã từng bước hình thành các mạng lưới liên kết, thúc đẩy dòng chảy của tri thức, của công nghệ trong và ngoài nước. Ông cho rằng, đây là thời điểm để tăng tốc, đẩy mạnh liên kết các nguồn lực trong và ngoài nước nhằm tạo ra động lực cho sự phát triển. Hệ sinh thái không chỉ là môi trường, mà phải trở thành bệ đỡ cho sự phát triển của các thành phần, là nơi kết nối nguồn cung và nguồn cầu về đổi mới sáng tạo.

"Bộ Khoa học và Công nghệ tin tưởng rằng, quy mô và hiệu quả hoạt động của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia của Việt Nam sẽ ngày càng được mở rộng và nâng cao; thu hút ngày càng nhiều các nguồn lực trong và ngoài nước; đóng góp ngày càng thiết thực hơn cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước", Bộ trưởng nói.

Cần đổi mới sáng tạo mạnh mẽ hơn nữa, sâu rộng hơn nữa

Nhấn mạnh thông điệp "lắng nghe và chia sẻ" khi tham dự sự kiện, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ, đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước tuy chưa hoàn thiện nhưng đã cơ bản đầy đủ để thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chúng ta cần tổ chức thực hiện thật đồng bộ, hiệu quả trong thời gian tới. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã khẳng định rất rõ: "Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh", "Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số".

Chia sẻ với các đại biểu một số suy nghĩ, trăn trở về đổi mới sáng tạo, Thủ tướng Chính phủ bày tỏ ấn tượng với những kết quả rất có ý nghĩa của hoạt động đổi mới sáng tạo trong năm 2021 có rất nhiều khó khăn, khẳng định sự cố gắng, vươn lên của các chủ thể đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo. Tuy nhiên, kết quả này vẫn còn khiêm tốn, chưa được như mong muốn, chúng ta cần một phong trào đổi mới sáng tạo mạnh mẽ hơn nữa, sâu rộng hơn

nữa. Thủ tướng lấy ví dụ, Việt Nam không có tên trong số 15 kỳ lân công nghệ khởi nghiệp Đông Nam Á gọi vốn thành công, được định giá từ 1 tỷ USD trở lên trong năm 2021.

Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, những kết quả đạt được là nhờ bám sát đường lối, chủ trương của Đảng được cụ thể hóa bằng chính sách, pháp luật của Nhà nước; sự nỗ lực, cố gắng, phấn đấu vươn lên của các chủ thể đổi mới sáng tạo; sự phối hợp, liên kết trong nước và ngoài nước.

Vấn đề thứ hai được Thủ tướng Chính phủ chia sẻ là vai trò quan trọng của đổi mới sáng tạo trong quá trình vận động và phát triển. Ông nêu rõ, đổi mới sáng tạo là yêu cầu khách quan của sự phát triển với bất cứ quốc gia nào, bất cứ lĩnh vực nào, bất cứ giai đoạn nào, bất cứ con người nào, không có đổi mới sáng tạo thì không phát triển được.

Về các mục tiêu cơ bản của đổi mới sáng tạo, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh, đổi mới sáng tạo phải phục vụ hiệu quả các mục tiêu mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và đại hội đảng bộ các cấp đã đề ra; góp phần làm cho mọi người dân được ấm no, hạnh phúc, không để ai bị bỏ lại phía sau; góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, cuộc sống bình yên của Nhân dân; góp phần khẳng định Việt Nam là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; chứng minh trí tuệ, sức sáng tạo của con người Việt Nam.

“Đổi mới sáng tạo phải phục vụ dân giàu, nước mạnh, mọi người dân được ấm no, hạnh phúc, đất nước được yên bình, góp phần hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển trên thế giới”, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh.

Về quan điểm, cách tiếp cận để đổi mới sáng tạo có hiệu ứng lan tỏa, nhân lên giá trị, mang lại hiệu quả thiết thực, Thủ tướng Chính phủ cho rằng, đổi mới sáng tạo là sự nghiệp của toàn dân nên phải có cách tiếp cận toàn dân. Đổi mới sáng tạo phải triển khai đồng bộ, tổng thể, liên thông, toàn diện, bao trùm ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị, doanh nghiệp; đổi mới sáng tạo phải trở thành phong trào, truyền cảm hứng, thu hút sự tham gia của tất cả mọi người, không phân biệt độ tuổi, vùng miền, giới tính... Đổi mới sáng tạo phải có sự kết nối giữa các cá nhân với tập thể, với cả nước và toàn cầu, hài hòa giữa lợi ích cá nhân, lợi ích quốc gia, dân tộc và lợi ích chung của nhân loại.

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong y tế, giáo dục, nông nghiệp

Trong bối cảnh nguồn lực và thời gian có hạn, Thủ tướng Chính phủ cho rằng việc triển khai các nhiệm vụ trong thời gian tới cần có trọng tâm, trọng điểm. Thứ nhất, phải phòng chống, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh để phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Việc phòng chống dịch là chưa có tiền lệ nên càng đòi hỏi đổi mới sáng tạo để phù hợp với điều kiện cụ thể Việt Nam, bảo đảm khoa học, hiệu quả, tiết kiệm, nhất là trong thực hiện 3 trụ cột phòng chống dịch (cách ly, xét nghiệm và điều trị) và phương châm “5K+vaccine+thuốc+công nghệ+đề cao ý thức người dân và các biện pháp khác”. Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương không ngừng tổng kết, bổ sung, hoàn thiện lý thuyết, biện pháp phòng chống dịch.

Nhiệm vụ thứ hai là phải phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Trong quá trình này, mọi cơ quan, đơn vị, mọi người trong mọi ngành, mọi nghề, mọi cấp đều phải suy nghĩ để tìm giải pháp phù hợp trong lĩnh vực, nhiệm vụ của mình.

Nhiệm vụ thứ ba là đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, từ chủ yếu dựa vào tài nguyên sẵn có và lao động giá rẻ sang phát triển dựa trên trí tuệ con người, phát huy được cơ hội nổi trội, tiềm năng khác biệt, lợi thế cạnh tranh của đất nước, của mỗi ngành, mỗi địa phương.

Thứ tư, đổi mới sáng tạo phải đi thẳng vào, góp phần giải quyết các vấn đề đang nổi lên như biến đổi khí hậu (trong bối cảnh thiên tai đang diễn ra cực đoan, phức tạp, gay gắt, không theo quy luật); cạn kiệt tài nguyên (trong khi trí tuệ và sức sáng tạo của con người là vô hạn); già hóa dân số (để giải quyết hài hòa các vấn đề trước mắt và lâu dài, đáp ứng các nhu cầu của hiện tại nhưng không ảnh hưởng tới các thế hệ tương lai); phát triển xanh, năng lượng sạch; chuyển đổi số...

Đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ lưu ý, tập trung thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, nông nghiệp - đây là những vấn đề cấp thiết với đất nước ta để nâng cao năng lực y tế trong bối cảnh dịch bệnh; phát triển nguồn nhân lực có thể đáp ứng yêu cầu làm việc trong môi trường quốc tế; người nông dân có thể tham gia đổi mới sáng tạo, thay đổi vận mệnh và cuộc sống của mình. “Phải tâm huyết, trách nhiệm, đam mê, máu lửa, gắn bó máu thịt với những lĩnh vực này”, Thủ tướng Chính phủ chia sẻ.

Về các giải pháp trong thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, trước hết phải quan tâm công tác tổng kết thực tiễn, tích lũy, xây dựng dữ liệu. Thủ tướng Chính phủ cho biết, cơ sở dữ liệu của chúng ta còn thiếu và yếu nên việc hoạch định dựa trên cơ sở dữ liệu rất khó khăn. Đổi mới sáng tạo phải dựa trên nền tảng dữ liệu tốt thì mới sát thực tế, đi thẳng vào những vấn đề mà cuộc sống đặt ra.

Thứ hai, tập trung nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài để phát huy tối đa nguồn lực con người Việt Nam - tài sản quý giá nhất của dân tộc, nhân tố quyết định trong quá trình phát triển, nguyên nhân của mọi nguyên nhân. Con người phải có mong muốn, khát vọng đổi mới sáng tạo và có tố chất, nền tảng để đổi mới sáng tạo.

Thứ ba, bám sát thực tiễn, tôn trọng thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo để phát hiện kịp thời các vấn đề thực tiễn đặt ra, không ngừng sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, “giải quyết bài toán để mọi người tham gia vào đổi mới sáng tạo”. Đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát và phân bổ nguồn lực hợp lý, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ. Có cơ chế hiệu quả để huy động các nguồn lực, đẩy mạnh hợp tác công tư, lấy nguồn lực nhà nước dẫn dắt và kích hoạt mọi nguồn lực trong xã hội.

Các giải pháp quan trọng khác là hình thành thị trường khoa học, thị trường đổi mới sáng tạo để kết nối cung cầu, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh; đầu tư thích đáng cho các doanh nghiệp khởi nghiệp; tăng cường hợp tác quốc tế để tham gia vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu trên cơ sở cùng có lợi...

Thủ tướng Chính phủ bày tỏ cảm ơn những góp ý về cơ chế, chính sách tại chương trình, khẳng định Chính phủ, các bộ, ngành sẽ lắng nghe, tiếp thu, luôn đồng hành cùng các doanh nghiệp, góp phần thực hiện mục tiêu cao nhất là đất nước hùng cường, thịnh vượng, mọi

người dân được ấm no, hạnh phúc, không ai bỏ lại phía sau và đóng góp tích cực cho cộng đồng quốc tế.

Nguồn: baohinhphu.vn

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: ĐỀ ÁN XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ DOANH NGHIỆP VÀ HỖ TRỢ THÚC ĐẨY DOANH NGHIỆP CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ngày 13/12/2021, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ký Quyết định số 1970/QĐ-BTTTT phê duyệt Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số.

Đề án gồm Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp dùng chung trên toàn quốc (gọi tắt tiếng Việt là “Bộ chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp hay Bộ chỉ số”, tiếng Anh là “Digital Business Indicators”, viết tắt DBI); và các nhiệm vụ, giải pháp tổ chức triển khai ứng dụng Bộ chỉ số.

Đề án nhằm mục tiêu ban hành thống nhất Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp làm công cụ, thước đo đánh giá mức độ sẵn sàng, mức độ chuyển đổi số của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh dùng chung trên phạm vi cả nước; Triển khai áp dụng Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp để đánh giá rộng rãi các doanh nghiệp trên toàn quốc nhằm mục tiêu kép: Vừa giúp từng doanh nghiệp xác định được mình đang ở giai đoạn nào trong quá trình chuyển đổi số để có lộ trình, kế hoạch, giải pháp chuyển đổi số phù hợp, giúp doanh nghiệp phát triển nhanh hơn, mạnh hơn; Vừa tạo được bức tranh tổng thể về chuyển đổi số doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp số trong từng ngành, lĩnh vực, địa bàn cũng như toàn quốc phục vụ công tác quản lý và chính sách phát triển; Tạo lập được cơ sở dữ liệu chuyển đổi số doanh nghiệp với các thông tin, số liệu xác thực để giúp các cơ quan, đơn vị chức năng đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp, phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực, địa phương và quốc gia; đồng thời có thêm công cụ đánh giá hiệu quả triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên phạm vi toàn quốc.

Bộ Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp gồm 03 chỉ số: Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa; Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp lớn; Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số tập đoàn, tổng công ty.

Bộ Chỉ số được cấu trúc theo 06 trụ cột gồm: Trải nghiệm số cho khách hàng, chiến lược, hạ tầng và công nghệ số, vận hành, chuyển đổi số số văn hóa doanh nghiệp, dữ liệu và tài sản thông tin. Trong mỗi trụ cột có các chỉ số thành phần và trong mỗi chỉ số thành phần có các tiêu chí.

Mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp được chia thành các cấp độ cụ thể: Mức 0 - Chưa chuyển đổi số, mức 1 - Khởi động, mức 2 - Bắt đầu, mức 3 - Hình thành, mức 4 - Nâng cao, mức 5 - Dẫn đầu.

Cùng với việc xác định thang điểm và phương pháp đánh giá chuyển đổi số cho từng loại doanh nghiệp, Đề án còn đề ra các nhiệm vụ, giải pháp triển khai Bộ Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI: BAN HÀNH KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2022

Ngày 14/12/2021, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ký Quyết định số 2129/QĐ-BGTVT ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022.

Kế hoạch nhằm mục đích: Tổ chức thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong công tác cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao; Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa, từng bước xóa bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết; xây dựng hệ thống thủ tục hành chính trong lĩnh vực Giao thông vận tải hiệu quả, công khai, minh bạch; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, tạo thuận lợi và giảm tối đa chi phí cho cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính, đồng thời giảm chi phí cho cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; Xác định rõ trách nhiệm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ theo đúng quy định.

Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 của Bộ tập trung vào các nội dung công việc: Điều tra, khảo sát đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với việc giải quyết thủ tục hành chính; Thực hiện Kế hoạch đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 781/QĐ-BGTVT ngày 29/4/2021 của Bộ GTVT; Rà soát thủ tục hành chính tại các văn bản quy phạm pháp luật; Triển khai thực hiện Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; Thống kê, công bố các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Giao thông vận tải; Kiểm tra về công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại một số cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Triển khai thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 08/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư; Thực hiện chế độ báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ

ché một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và các nhiệm vụ thường xuyên.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, Văn phòng Bộ chủ trì, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo và kiến nghị với Bộ trưởng về các biện pháp cần thiết để bảo đảm Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 được thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM: THÀNH LẬP BAN CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH NGÂN HÀNG

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký ban hành Quyết định số 1977/QĐ-NHNN thành lập Ban chỉ đạo và Tổ công tác Chuyển đổi số ngành ngân hàng.

Theo đó, Ban chỉ đạo Chuyển đổi số ngành ngân hàng do bà Nguyễn Thị Hồng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước làm Trưởng ban; ông Phạm Tiến Dũng, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước làm Phó Trưởng ban Thường trực; ông Đào Minh Tú, Phó Thống đốc Thường trực Ngân hàng Nhà nước là Phó Trưởng ban.

Ngoài ra, Ban Chỉ đạo có các Ủy viên là Thủ trưởng/đại diện các đơn vị, Vụ, Cục, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ngân hàng Nhà nước; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh; Công ty cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam; một số ngân hàng thương mại...

Quyết định cũng nêu rõ, Ban chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và có các nhiệm vụ: Chỉ đạo việc xây dựng, triển khai các chủ trương, nghị quyết, chiến lược, kế hoạch, cơ chế chính sách của chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số quốc gia, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính, xây dựng phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số và tạo điều kiện cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; chỉ đạo thống nhất trong toàn ngành về hoạt động chuyển đổi số.

Đồng thời, tham mưu, giúp Thống đốc chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong toàn ngành ngân hàng trong việc nghiên cứu, xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách, chiến lược, đề án, dự án, kế hoạch, giải pháp nhằm thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong lĩnh vực ngân hàng.

Tham mưu, giúp Thống đốc chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong ngành ngân hàng trong việc nghiên cứu, xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách, chiến lược, đề án, dự án, kế hoạch, giải pháp nhằm tiếp tục cải cách hành chính và xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số tại Ngân hàng Nhà nước.

Cùng với đó, chỉ đạo tổ chức triển khai và sơ kết đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về chuyển đổi số ngành Ngân hàng, phát triển Chính phủ điện tử tại Quyết định số 810/QĐ-NHNN ngày 11/5/2021 của Thống đốc phê duyệt “Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Tại Quyết định này, Thống đốc thành lập Tổ công tác giúp việc cho Ban chỉ đạo Chuyển đổi số ngành Ngân hàng. Tổ công tác do ông Phạm Tiến Dũng, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước là Tổ trưởng; Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin là Tổ phó thường trực; Vụ trưởng Vụ Thanh toán là Tổ phó Tổ công tác.

Tổ công tác có các Ủy viên là đại diện các đơn vị, Vụ, Cục, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ngân hàng Nhà nước; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, Công ty cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam, một số ngân hàng thương mại...

Trong ngày 10/12/2021, Thống đốc cũng có Quyết định số 1978/QĐ-NHNN ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ công tác Chuyển đổi số ngành Ngân hàng.

Nguồn: vneconomy.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng từ ngày 01/01/2022 đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng.**

Dự thảo nêu rõ, từ ngày 01/01/2022, thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

Theo đó, tăng thêm 7,4% mức trợ cấp hằng tháng trên mức trợ cấp được hưởng tại thời điểm tháng 12/2021 theo công thức tính:

Mức trợ cấp hằng tháng được hưởng từ ngày 01/01/2022	=	Mức trợ cấp được hưởng tại thời điểm tháng 12/2021	x	1,074
--	---	--	---	-------

Mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc sau khi điều chỉnh theo quy định trên mà thấp hơn 2.500.000 đồng/tháng thì được tăng thêm mức trợ cấp như sau: Tăng thêm 200.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức trợ cấp hằng tháng từ 2.300.000 đồng/người/tháng trở xuống; tăng lên bằng 2.500.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức trợ cấp hằng tháng (theo công thức tính nêu trên) từ 2.300.000 đồng/người/tháng đến dưới 2.500.000 đồng/người/tháng.

Căn cứ quy định nêu trên, mức trợ cấp hằng tháng được hưởng từ ngày 01/01/2022 (đã làm tròn số) đối với cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc như sau: Đối với cán bộ nguyên là bí thư

đảng ủy, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã: 2.473.000 đồng/tháng. Đối với cán bộ nguyên là phó bí thư, phó chủ tịch, thường trực đảng ủy, ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân, thư ký Hội đồng nhân dân xã, xã đội trưởng, trưởng công an xã: 2.400.000 đồng/tháng. Đối với các chức danh còn lại: 2.237.000 đồng/tháng.

*** Bộ Tài chính tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.**

Thời gian gần đây, thị trường trái phiếu doanh nghiệp có dấu hiệu tăng trưởng nóng, xuất hiện một số hiện tượng huy động vốn trái phiếu chưa tuân thủ quy định của pháp luật. Do đó, để thị trường tiếp tục phát triển bền vững, minh bạch và hiệu quả, cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý và tăng cường công tác quản lý, giám sát. Bộ Tài chính đã tiến hành đánh giá tình hình thị trường thời gian qua để xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

Một số nội dung đáng chú ý của dự thảo Nghị định sửa đổi bao gồm: Sửa đổi quy định về mục đích phát hành trái phiếu nhằm tăng cường trách nhiệm và nghĩa vụ của doanh nghiệp phát hành trong việc sử dụng tiền thu từ phát hành trái phiếu đúng mục đích; Bổ sung quy định về xếp hạng tín nhiệm đối với một số loại trái phiếu phát hành nhằm tăng tính công khai, minh bạch, góp phần nâng cao chất lượng trái phiếu được phát hành, đồng thời giúp thị trường có thói quen sử dụng kết quả xếp hạng tín nhiệm để đánh giá rủi ro của trái phiếu, tiệm cận với thông lệ quốc tế, hạn chế rủi ro cho nhà đầu tư; Bổ sung quy định về Đại diện người sở hữu trái phiếu để tăng cường việc giám sát mục đích sử dụng vốn trái phiếu của doanh nghiệp phát hành cũng như tăng cường giám sát việc thực hiện các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành; cách thức xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là đối tượng được phép đầu tư và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ; Bổ sung các quy định để đẩy nhanh việc thiết lập thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp nhằm tăng tính thanh khoản, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch, tăng cường quản lý, giám sát đối với các trái phiếu đưa vào giao dịch trên thị trường thứ cấp; Sửa đổi một số quy định về thời hạn và nội dung công bố thông tin nhằm khắc phục những bất cập thời gian vừa qua, đồng thời tăng cường tính minh bạch của doanh nghiệp phát hành trái phiếu và việc sử dụng vốn phát hành trái phiếu của doanh nghiệp.

Cùng với việc hoàn thiện khung khổ pháp lý, Bộ Tài chính tiếp tục chỉ đạo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các đơn vị chức năng tăng cường việc quản lý, giám sát, triển khai các đoàn thanh tra, kiểm tra việc phát hành trái phiếu của các doanh nghiệp bất động sản, các tổ chức tín dụng có liên quan đến doanh nghiệp bất động sản, các doanh nghiệp có khối lượng phát hành lớn, lãi suất cao, các doanh nghiệp có kết quả kinh doanh thua lỗ, các doanh nghiệp phát hành không có tài sản bảo đảm.

*** Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang dự thảo Thông tư hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021.**

Theo dự thảo, đối tượng áp dụng gồm: 1. Các đối tượng quy định tại các điểm a, b và điểm c Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 108/2021/NĐ-CP hưởng lương hưu trợ cấp **bảo hiểm xã hội** và trợ cấp hằng tháng trước ngày 01/01/2022; 2. Các đối tượng quy định tại Điểm a và Điểm c Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 108/2021/NĐ-CP nghỉ hưởng trước ngày 01/01/1995 sau khi thực hiện điều chỉnh theo quy định mà có mức lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp hằng tháng dưới 2.500.000 đồng/tháng.

Dự thảo nêu rõ, từ ngày 01/01/2022, mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của các đối tượng quy định tại khoản 1 được tăng thêm 7,4% so với mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 12/2021. Cụ thể, mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng từ tháng 01/2022 bằng mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp tháng 12/2021 nhân 1,074.

Từ ngày 01/01/2022, mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của các đối tượng quy định tại Khoản 2, được điều chỉnh cụ thể như sau: a) Đối với người có mức lương hưu, trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp hằng tháng từ 2.300.000 đồng/người/tháng trở xuống: Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng sau điều chỉnh bằng mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng trước điều chỉnh cộng 200.000/tháng; b) Đối với người có mức lương hưu, trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp hằng tháng từ trên 2.300.000 đồng/người/tháng đến dưới 2.500.000 đồng/người/tháng: Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng sau điều chỉnh bằng 2.500.000 đồng/tháng.

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam có trách nhiệm triển khai thực hiện việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng quy định tại Nghị định số 108/2021/NĐ-CP và hướng dẫn trên; Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân có trách nhiệm triển khai việc điều chỉnh trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng đối với đối tượng thuộc diện quản lý.

*** Bộ Công an đang dự thảo Thông tư về lao động hợp đồng trong Công an nhân dân, trong đó quy định cụ thể về đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự thủ tục tuyển, ký kết, sử dụng lao động hợp đồng tại các, đơn vị trực thuộc Bộ, công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp công lập trong Công an nhân dân.**

Về tiêu chuẩn ký kết hợp đồng lao động, dự thảo quy định tiêu chuẩn chung là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có địa chỉ thường trú tại Việt Nam; có tư cách đạo đức tốt, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có lý lịch rõ ràng và được công an cấp xã nơi cư trú xác nhận.

Về tuổi đời, đối với người lao động hưởng lương ngân sách Nhà nước: Từ đủ 18 tuổi trở lên. Ưu tiên ký kết hợp đồng với người lao động có đủ điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội để được hưởng lương hưu khi người lao động đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ luật Lao động.

Đối với người lao động tại các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính: Thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn, quy định hiện hành.

Về trình độ chuyên môn, người lao động phải có trình độ chuyên môn cần thiết theo yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động. Không tuyển lao động chưa qua đào tạo nghề hoặc chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với công việc phải sử dụng lao động đã được đào tạo nghề hoặc phải có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Có đủ sức khỏe để lao động theo kết luận của cơ sở khám, chữa bệnh cấp huyện trở lên và đáp ứng điều kiện về tiêu chuẩn chính trị.

Dự thảo đề xuất đối với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính: Trên cơ sở yêu cầu sản xuất, kinh doanh, tính toán số lượng lao động và yêu cầu về trình độ chuyên môn, tay nghề để ký kết hợp đồng lao động với người lao động, nhưng không được trái với các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật về hợp đồng lao động.

Đối với công an đơn vị, địa phương, việc ký kết hợp đồng với người lao động phải bảo đảm các điều kiện sau: a) Đúng số lượng của từng loại hợp đồng lao động được cấp có thẩm quyền duyệt; b) Người lao động bảo đảm các tiêu chuẩn quy định và là người trúng tuyển trong đợt tuyển lao động của Công an đơn vị, địa phương theo quy định.

Có 2 loại hợp đồng lao động: 1. Hợp đồng lao động không xác định thời hạn. 2. Hợp đồng lao động xác định thời hạn. Hợp đồng lao động hưởng lương ngân sách Nhà nước tại công an đơn vị, địa phương do thủ trưởng công an đơn vị, địa phương trực tiếp ký kết với người lao động. Hợp đồng lao động tại các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính do giám đốc doanh nghiệp, thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp ký kết với người lao động.

*** Bộ Công an đang dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2020/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của lực lượng Công an nhân dân.**

Bộ Công an cho biết dự thảo được xây dựng nhằm tạo điều kiện để công an cấp huyện hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong điều tra hình sự.

Dự thảo sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 7 như sau: Sau khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm theo trình tự, thủ tục quy định, công an xã, phường, thị trấn, đồn công an, trạm công an tiến hành lập biên bản tiếp nhận, phân loại và xử lý tố giác, tin báo về tội phạm theo quy định tại Điều 1 Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017. Cụ thể:

a) Đối với tố giác, tin báo hành vi phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc được dư luận xã hội quan tâm; tố giác, tin báo về tội phạm đã rõ người thực hiện hành vi phạm tội hoặc rõ người bị tố giác mà có căn cứ cho rằng người đó có thể bỏ trốn, có căn cứ và cần thiết phải áp dụng các biện pháp ngăn chặn thì công an xã, phường, thị trấn, đồn công an báo ngay bằng các hình thức liên lạc nhanh nhất cho cơ quan điều tra có thẩm quyền; tổ chức ngay lực lượng đến bảo vệ hiện trường, lấy lời khai người tố giác, báo tin về tội phạm, bị hại, người làm

chứng, người bị tố giác và những người có liên quan; xác minh, làm rõ nhân thân, lai lịch của người bị tố giác, bị hại và những người có liên quan; phát hiện, tạm giữ, bảo quản đồ vật, tài liệu có liên quan đến hành vi có dấu hiệu tội phạm và chuyển tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo đồ vật, tài liệu có liên quan cho cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi tiếp nhận; đối với các xã ở vùng rừng núi xa xôi, hẻo lánh, hải đảo, điều kiện đi lại khó khăn thì thời hạn chuyển tố giác, tin báo về tội phạm không quá 48 giờ kể từ khi tiếp nhận;

b) Đối với tố giác, tin báo về tội phạm không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 thì công an xã, phường, thị trấn, đồn công an lập biên bản tiếp nhận, lấy lời khai của người tố giác, báo tin về tội phạm, bị hại, người làm chứng, người bị tố giác và những người có liên quan; có mặt kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc, vẽ sơ đồ nơi xảy ra vụ việc, bảo vệ hiện trường; xác minh, làm rõ nhân thân, lai lịch của người bị tố giác, bị hại và những người có liên quan; xác minh sơ bộ thông tin về hậu quả thiệt hại; phát hiện, tạm giữ, bảo quản tài liệu, đồ vật có liên quan đến hành vi có dấu hiệu tội phạm và chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo tài liệu, đồ vật có liên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền. Thời hạn kể từ khi tiếp nhận đến khi chuyển tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo tài liệu, đồ vật có liên quan cho cơ quan điều tra có thẩm quyền không quá 07 ngày.

Trong quá trình xử lý tố giác, tin báo về tội phạm quy định tại điểm này mà có căn cứ xác định tố giác, tin báo về tội phạm thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thì công an xã, phường, thị trấn, đồn công an thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 1.

c) Trạm công an khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm thì lập biên bản tiếp nhận và chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo tài liệu, đồ vật có liên quan cho cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi tiếp nhận;

d) Trường hợp khẩn cấp, cấp bách, cần ngăn chặn ngay tội phạm hoặc cần tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám xét hoặc trưng cầu giám định ngay thì công an xã, phường, thị trấn, đồn công an, trạm công an phải báo ngay đến cơ quan điều tra có thẩm quyền bằng hình thức liên lạc nhanh nhất và thực hiện các biện pháp xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

Dự thảo cũng sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 16 như sau: Trường hợp xác định không có dấu hiệu tội phạm hoặc tội phạm quy định tại Khoản 1 các Điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 của Bộ luật Hình sự mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố thì dự thảo quyết định không khởi tố vụ án hình sự kèm theo bản báo cáo kết thúc việc xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, cùng hồ sơ, tài liệu liên quan báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp cho ý kiến trước khi trình thủ trưởng hoặc phó thủ trưởng cơ quan điều tra được phân công (hoặc được ủy quyền); cấp trưởng hoặc cấp phó cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân được phân công (hoặc được ủy quyền) duyệt, ký ban hành.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự, cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân phải gửi quyết định đó kèm theo tài liệu liên quan đến Viện Kiểm sát cùng cấp hoặc Viện Kiểm sát có thẩm quyền.

*** Bộ Công an đang dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thí điểm mô hình tổ chức lao động, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân ngoài trại giam.**

Theo Bộ Công an, từ những năm 2000 cho đến khi Luật Thi hành án hình sự năm 2010 và 2019 được thông qua, tình hình số lượng phạm nhân đến trại giam chấp hành án tăng. Trong khi đó, hầu hết các trại giam đóng quân trên địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, nhất là các trại giam khu vực miền Bắc và miền Trung có diện tích nhỏ, phân tán, đất đai cằn cỗi, khí hậu khắc nghiệt, rất khó khăn trong việc tổ chức lao động, dạy nghề cho phạm nhân trong trại giam.

Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong công tác quản lý, giam giữ, giáo dục và tổ chức cho phạm nhân lao động, học nghề, thực hiện và vận dụng những quy định của Đảng và Nhà nước về tổ chức các khu lao động, dạy nghề cho phạm nhân đã có từ trước, đồng thời, vận dụng các quy định mới của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục, cải tạo phạm nhân, ngày 18/8/2011, Bộ Công an đã có Công văn số 2471/BCA-C81 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị tạo điều kiện thuận lợi để các trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc được liên kết với các đơn vị kinh tế, doanh nghiệp của địa phương đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất cho phạm nhân trong nhà xưởng, gắn với lao động, dạy nghề để thuận lợi cho công tác quản lý, giáo dục, cải tạo phạm nhân, trại viên.

Tính đến tháng 10/2019, có 24/54 trại giam phối hợp tổ chức 154 điểm lao động, dạy nghề ngoài trại giam, số lượng phạm nhân lao động, học nghề dao động từ 6.000 - 7.000 phạm nhân. Các ngành nghề lao động chủ yếu ở các khu sản xuất và các điểm lao động ở ngoài trại giam là trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất gạch, gia công vàng mã, may gia công, đóng gói bánh kẹo, đan lát mây tre... và một số các ngành thủ công chế biến khác.

Hoạt động của mô hình khu sản xuất, điểm lao động, dạy nghề ngoài trại giam cho thấy hiệu quả về đầu tư, môi trường lao động, không làm tăng chi phí, góp phần quan trọng trong công tác quản lý, giam giữ, giáo dục cải tạo phạm nhân, giảm nguy cơ mất an ninh, an toàn trong trại giam, đồng thời cũng góp phần tháo gỡ khó khăn trong tìm kiếm việc làm, tổ chức lao động, dạy nghề cho phạm nhân, giảm gánh nặng cho ngân sách Nhà nước, góp phần cải thiện đời sống cho phạm nhân và tăng giá trị đầu tư trở lại phục vụ xây dựng cơ sở vật chất trại giam. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, cũng còn những khó khăn, vướng mắc, bất cập.

Bộ Công an cũng cho biết, mô hình tổ chức lao động cho phạm nhân ngoài trại giam chưa được quy định trong luật. Vì vậy, Chính phủ đã giao Bộ Công an chủ trì nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm mô hình tổ chức lao động, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân ngoài trại giam, từ đó tổng kết, đánh giá trên cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định vào Luật Thi hành án hình sự.

Việc xây dựng nghị quyết nhằm tạo cơ sở pháp lý để thống nhất tổ chức lao động, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân ngoài trại giam; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các trại giam trong công tác tổ chức lao động, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân trong giai đoạn hiện nay; đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác thi hành án phạt tù, công tác chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành xong án phạt tù trong thời gian tới. Đồng thời, đánh giá tính hiệu quả của mô hình tổ chức lao động, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân ngoài trại

giam, trên cơ sở đó đề xuất đưa (hoặc không đưa) quy định tổ chức lao động, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân ngoài trại giam vào quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Dạy nghề ngoài trại giam đối với phạm nhân có kết quả chấp hành án phạt tù loại khá, tốt

Dự thảo quy định, phạm nhân đưa ra các khu lao động, hướng nghiệp, dạy nghề ngoài trại giam phải bảo đảm các điều kiện: a) Phạm nhân đưa ra khu lao động, hướng nghiệp, dạy nghề ngoài trại giam phải có nơi cư trú rõ ràng; từ ngày đến trại giam có tư tưởng ổn định, yên tâm chấp hành án; b) Phạm nhân có mức án trên 15 năm, chung thân phải thuộc trường hợp phạm tội lần đầu, đã được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù còn dưới 5 năm; c) Phạm nhân mức án từ 15 năm trở xuống phạm tội lần đầu hoặc đã có 1 tiền án do phạm tội vô ý và phải bảo đảm các điều kiện: Phạm nhân có mức án từ trên 7 năm đến 15 năm phải chấp hành được 1/3 mức án, hạ loại giam giữ xuống B2; phạm nhân có mức án từ trên 3 năm đến 7 năm đã có kết quả xếp loại thi đua chấp hành án phạt tù đạt loại “khá” hoặc “tốt” 6 tháng trở lên; phạm nhân có mức án từ 3 năm trở xuống đã có kết quả xếp loại thi đua chấp hành án phạt tù đạt loại “khá” hoặc “tốt” 3 tháng trở lên. d) Đối với số phạm nhân có tiền sử nghiện ma túy phải xem xét thận trọng, kỹ lưỡng, chỉ lựa chọn số phạm nhân không còn biểu hiện lệ thuộc về ma túy.

Không đưa phạm nhân ra khu lao động, hướng nghiệp, dạy nghề ngoài trại giam thuộc một trong những trường hợp sau: a) Phạm nhân có từ 2 tiền án trở lên; b) Tái phạm nguy hiểm; c) Phạm nhân có kết quả xếp loại thi đua chấp hành án phạt tù loại “trung bình” hoặc “kém”; d) Phạm nhân đã có hành vi trốn khỏi nơi giam hoặc bỏ trốn khỏi cơ sở giáo dục bắt buộc; đ) Phạm nhân là đối tượng chủ mưu, cầm đầu trong các vụ án, tổ chức tội phạm; phạm nhân trong các vụ án kinh tế lớn dư luận xã hội quan tâm; e) Phạm nhân phạm một trong các tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; hiếp dâm; hiếp dâm người dưới 16 tuổi, chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép vũ khí quân dụng; giết người; trộm cắp tài sản có tính chất chuyên nghiệp; cướp tài sản hoặc cướp giật tài sản có tính chất chuyên nghiệp hoặc sử dụng vũ khí hoặc hành hung để tẩu thoát; các tội xâm phạm an ninh quốc gia; phạm nhân là người chưa thành niên; phạm nhân là người nước ngoài; phạm nhân liên quan đến an ninh quốc gia.

Về quy trình lựa chọn phạm nhân, dự thảo nêu rõ: Cán bộ trinh sát trại giam lựa chọn, lập danh sách đề xuất trưởng phân trại duyệt, gửi đội trưởng đội trinh sát lấy ý kiến của đội giáo dục - hồ sơ, đội quản giáo, đội cảnh sát bảo vệ - cơ động, đội y tế, sau đó tổng hợp và thẩm định trước khi báo cáo, đề xuất ban giám thị trại giam duyệt.

Công tác bảo đảm an ninh, an toàn giam giữ tại khu lao động, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân ngoài trại giam được thực hiện đúng như tại trại giam theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành.

*** Thanh tra Chính phủ đang dự thảo Thông tư quy định việc lập, quản lý hồ sơ thanh tra, hồ sơ giải quyết khiếu nại, hồ sơ giải quyết tố cáo.**

Theo dự thảo, việc lập hồ sơ thanh tra, hồ sơ giải quyết khiếu nại, hồ sơ giải quyết tố cáo phải theo đúng chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân. Các văn bản, tài liệu trong một hồ sơ phải có sự liên quan chặt chẽ với nhau và phản ánh đúng trình tự, diễn

biên của sự việc hoặc trình tự thanh tra, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo. Văn bản, tài liệu trong hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao y bản chính.

Dự thảo quy định, trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo việc lập hồ sơ thanh tra. Thanh tra viên, công chức được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tiến hành thanh tra độc lập.

Nội dung hồ sơ thanh tra gồm: Thời điểm mở hồ sơ được xác định từ ngày ban hành Quyết định thanh tra. Thu thập phân loại văn bản, tài liệu và lập mục lục để quản lý văn bản, tài liệu trong quá trình tiến hành thanh tra. Thời điểm kết thúc hồ sơ được xác định từ ngày người có thẩm quyền ra văn bản chỉ đạo hoặc quyết định về việc xử lý kết quả thanh tra.

Người giải quyết khiếu nại có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo việc lập hồ sơ giải quyết khiếu nại. Trường hợp người giải quyết khiếu nại giao cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý của mình tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, thành lập tổ xác minh nội dung khiếu nại thì thủ trưởng đơn vị chủ trì hoặc tổ trưởng tổ xác minh, người được giao nhiệm vụ xác minh có trách nhiệm giúp người giải quyết khiếu nại lập hồ sơ giải quyết khiếu nại.

Nội dung lập hồ sơ giải quyết khiếu nại như sau: Thời điểm mở hồ sơ được xác định từ ngày người có thẩm quyền ra thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại. Thu thập, phân loại văn bản, tài liệu và lập mục lục để quản lý văn bản, tài liệu trong quá trình giải quyết khiếu nại. Thời điểm kết thúc hồ sơ được xác định từ ngày người có thẩm quyền gửi quyết định giải quyết khiếu nại và kết thúc việc công khai quyết định giải quyết khiếu nại.

Người giải quyết tố cáo có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo việc lập hồ sơ giải quyết tố cáo. Trường hợp người giải quyết tố cáo giao cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác tiến hành xác minh nội dung tố cáo, thành lập đoàn xác minh tố cáo hoặc tổ xác minh tố cáo thì thủ trưởng đơn vị chủ trì hoặc tổ trưởng tổ xác minh có trách nhiệm giúp người giải quyết tố cáo lập hồ sơ giải quyết tố cáo.

Nội dung lập hồ sơ giải quyết vụ việc tố cáo gồm: Thời điểm mở hồ sơ được xác định từ ngày người có thẩm quyền ban hành quyết định thụ lý giải quyết tố cáo. Thu thập, phân loại văn bản, tài liệu và lập mục lục để quản lý văn bản, tài liệu trong quá trình giải quyết tố cáo. Thời điểm kết thúc hồ sơ được xác định từ ngày người có thẩm quyền kết thúc việc công khai kết luận nội dung tố cáo, thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo và công khai quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo.

*** Bộ Y tế đang lấy ý kiến của Nhân dân đối với dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội và Luật An toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.**

Dự thảo bổ sung Điều 20a nguyên tắc cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội đối với người mắc dịch bệnh thuộc nhóm A (trong đó có COVID-19):

1. Việc cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội phải đáp ứng các yêu cầu sau: a) Do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp giấy phép hoạt động cấp hoặc quyết định thành lập cơ sở thu dung điều trị bệnh COVID-19 do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Người hành nghề (bao gồm người được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ điều trị COVID-19) làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm cả bệnh viện dã chiến, cơ sở thu dung điều trị COVID-19; trạm y tế cấp xã, trạm y tế lưu động) này được ký giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội theo phân công của người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó; b) Phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội đối với người nhiễm COVID-19 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; c) Phù hợp với tình trạng sức khỏe của người bệnh và hướng dẫn chuyên môn của Bộ trưởng Bộ Y tế; d) Trường hợp người bệnh chăm sóc, quản lý, điều trị COVID-19 tại nhà theo quy định của Bộ Y tế, người hành nghề căn cứ danh sách quản lý ca bệnh COVID-19 trên địa bàn của trạm y tế cấp xã; kết quả xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2 thực hiện xác định tình trạng bệnh thông qua và thông tin theo dõi, diễn biến bệnh hằng ngày của nhân viên y tế với người bệnh qua hình thức trực tiếp đến tận nhà người bệnh hoặc gián tiếp qua công nghệ thông tin (áp dụng khám chữa bệnh từ xa) để ký giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội theo phân công của người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó.

2) Một lần khám chỉ được cấp một giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội. Trường hợp người bệnh cần nghỉ dài hơn 30 ngày thì khi hết hoặc sắp hết thời hạn nghỉ ghi trên giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội đã được cấp, người bệnh phải tiến hành liên hệ với cơ sở khám chữa bệnh hoặc trạm y tế cấp xã để người hành nghề xem xét quyết định theo quy định tại điểm d Khoản 1.

3) Người hành nghề làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp giấy phép hoạt động được ký giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội; trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không phải là pháp nhân thì người hành nghề phải đăng ký mẫu chữ ký với cơ quan bảo hiểm xã hội.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng bổ sung Khoản 2 Điều 20 - Nguyên tắc cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội. Theo đó, một lần khám chỉ được cấp một giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội. Trường hợp người bệnh cần nghỉ dài hơn 30 ngày thì khi hết hoặc sắp hết thời hạn nghỉ ghi trên giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội đã được cấp, người bệnh phải tiến hành tái khám để người hành nghề xem xét quyết định.

Riêng trường hợp người bệnh điều trị bệnh lao theo chương trình chống lao quốc gia thì thời gian nghỉ tối đa không quá 180 ngày cho một lần cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội.

Trường hợp người lao động bị sảy, nạo, hút thai, thai chết lưu, phá thai bệnh lý từ 13 tuần tuổi trở lên thì thời gian nghỉ tối đa 50 ngày cho 1 lần cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội.

Nguồn: baochinhpvu.vn

HÀ NỘI: ĐỒNG HÀNH, ĐỐI THOẠI, THÁO GỠ KHÓ KHĂN CHO DOANH NGHIỆP

Sáng ngày 16/12, Thành ủy Hà Nội tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TW, ngày 09/12/2011 của Bộ Chính trị (khóa XI) về “Xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”.

Trong 10 năm qua, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW đã được Thành ủy và các cấp ủy Đảng trong toàn Đảng bộ TP tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc, bài bản, đồng bộ; gắn với thực hiện các nghị quyết, chương trình, đề án đột phá về xây dựng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân.

Đội ngũ doanh nhân Thủ đô ngày càng đông đảo về số lượng, chất lượng được nâng lên với kiến thức kinh doanh phong phú, bản lĩnh, kinh nghiệm dồi dào, phong cách làm việc khoa học, chuyên nghiệp, hiện đại hơn. Đặc biệt, thể hiện được bản sắc văn hóa của doanh nhân Hà Nội, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao đối với cộng đồng...

Trong 10 năm qua, toàn thành phố có gần 204.000 doanh nghiệp thành lập mới (tăng bình quân từ 9-13%/năm); trung bình cứ 35 người dân Thủ đô có 1 doanh nghiệp được đăng ký thành lập và cao gấp 3,8 lần bình quân chung cả nước. Tính đến ngày 30/4/2021, tổng số doanh nghiệp trên địa bàn thành phố là 311.240 doanh nghiệp (chiếm gần 38% tổng số doanh nghiệp cả nước).

Cộng đồng doanh nghiệp Thủ đô đã tạo việc làm cho gần 2,5 triệu lao động và mỗi năm tạo thêm 140.000 việc làm mới. Đặc biệt, các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ không ngừng phát triển, chiếm 67% tổng số việc làm, 25% tổng số vốn đầu tư của doanh nghiệp và đóng góp 30% GDP của thành phố.

Việc thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 09-NQ/TW đã tạo điều kiện để đội ngũ doanh nhân phát huy được vị thế, vai trò, đóng góp tích cực vào việc hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Hà Nội. Kinh tế Thủ đô tiếp tục phát triển và đạt mức tăng trưởng khá cao. Giai đoạn 2016-2020, GRDP bình quân tăng 7,39%, thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 5.420 USD/người/năm. Thủ đô ngày càng thể hiện rõ nét hơn vai trò là trung tâm lớn về kinh tế, giao dịch quốc tế, tạo động lực quan trọng đối với phát triển vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

Phát biểu tham luận tại hội nghị, các đại biểu đều đánh giá Nghị quyết số 09-NQ/TW đã trở thành “bà đỡ” giúp doanh nghiệp phát triển, nhất trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 ngày càng diễn biến phức tạp. Đồng thời, bày tỏ mong muốn thành phố sẽ tiếp tục đổi mới, có nhiều

giải pháp quyết liệt, hiệu quả thiết thực và đồng hành cùng người dân, doanh nghiệp đoàn kết chung sức xây dựng, phát triển Thủ đô không chỉ trong cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp mà cả hoạt động an sinh xã hội.

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội Nguyễn Văn Phong biểu dương sự nỗ lực, cố gắng của cả hệ thống chính trị thành phố, trong đó có đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân Thủ đô trong thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TW, qua đó đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

“Thành phố đã có Nghị quyết 09-NQ/TU về phát triển Đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước, là tinh, thành phố đầu tiên trên cả nước ban hành Nghị quyết chuyên đề về lĩnh vực này. Trên cơ sở đó, các quận, huyện, thị xã cũng đã thành lập Đảng bộ Khối Doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước để kịp thời hỗ trợ các doanh nghiệp. Thực tế cho thấy, doanh nghiệp nào có tổ chức đảng, đoàn thể hoạt động đã góp phần hỗ trợ doanh nghiệp phát triển toàn diện” - Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội đánh giá.

Cho rằng kết quả đạt được trong 10 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW là khá toàn diện và nổi bật nhưng Phó Bí thư Thành ủy cho rằng, một trong những hạn chế lớn, cần tập trung khắc phục trong thời gian tới để tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực phát triển Thủ đô là phải tiếp tục đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, cải cách hành chính, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền điện tử.

Phó Bí thư Thành ủy đề nghị, trong thời gian tới, phải củng cố, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể, cán bộ, hội viên, đoàn viên và Nhân dân, nhất là đội ngũ doanh nhân về nhiệm vụ, yêu cầu xây dựng đội ngũ doanh nhân Thủ đô trong giai đoạn mới, hội nhập quốc tế, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trên cơ sở đó, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố, các sở, ngành tiếp tục đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ các doanh nghiệp, các hiệp hội, các câu lạc bộ doanh nghiệp hoạt động hiệu quả. Việc hỗ trợ phải thực chất, thực tâm, đồng hành với doanh nghiệp, đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp một cách thực chất...

Đặc biệt, cần tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý chí và khát vọng phát triển, nhất là tinh thần khởi nghiệp sáng tạo trong thanh niên; đưa phong trào khởi nghiệp vào các trường học. Các cấp, ngành thành phố cũng cần phát huy hơn nữa tiềm năng, lợi thế riêng có của Hà Nội, nhất là 1.350 làng nghề trên địa bàn cùng với 160.000 hộ kinh doanh cá thể, tích cực hỗ trợ để chuyển đổi các hộ kinh doanh cá thể thành doanh nghiệp.

Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội cũng nhấn mạnh yêu cầu, nhiệm vụ phải tiếp tục có chính sách quan tâm, hỗ trợ, đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn giúp đội ngũ doanh nhân, nhất là doanh nhân mới khởi nghiệp. Trong quá trình này cần có vai trò của các cấp chính quyền, các hiệp hội. Cùng với đó, tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU của Thành ủy, làm sao các doanh nghiệp có tổ chức đảng, đoàn thể hoạt động phải ổn định, phát triển hài hòa.

Mặt khác, Phó Bí thư Thành ủy Nguyễn Văn Phong đề nghị các cơ quan, đơn vị, cộng đồng doanh nghiệp quan tâm xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân, để tạo thành “nếp văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân Thăng Long”. Quan tâm bảo vệ môi

trường, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của Thủ đô và đất nước.

Nguồn: dangcongsan.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: PHẢI CHUẨN HÓA CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ KHI SẮP XẾP LẠI

Sắp xếp cán bộ dôi dư là nội dung được đặc biệt quan tâm thảo luận tại buổi giám sát của Đoàn Đại biểu Quốc hội TP. Hồ Chí Minh về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã giai đoạn 2019 - 2021 diễn ra chiều ngày 15/12.

Báo cáo tại buổi họp, Phó Giám đốc Sở Nội vụ Nguyễn Thị Hồng Thắm chia sẻ, sau khi sắp xếp, nhiều đơn vị hành chính dôi dư cán bộ nhưng không có chính sách giải quyết đặc thù mà chỉ thực hiện theo quy định hiện hành (điều chuyển, nghỉ hưu hoặc tinh giảm biên chế). Việc này tác động đến tâm lý, quyền lợi của một bộ phận cán bộ, công chức cũng như hiệu quả trong quản lý, thực hiện công việc.

Nhiều nơi sau khi sáp nhập, thủ tục hành chính tăng gấp đôi nhưng chỉ được giữ lại 2/3 cán bộ, phụ cấp vẫn như cũ, khiến các địa phương lúng túng trong sắp xếp công việc.

Ngoài ra, việc xử lý tài sản, trụ sở dư thừa do sắp xếp đơn vị hành chính cũng gặp nhiều khó khăn. Một số trụ sở có thể đấu giá, nhưng nhiều trường hợp khó khăn khi kêu gọi doanh nghiệp đầu tư do phải thực hiện thủ tục chuyên mục đích sử dụng và đảm bảo phù hợp với quy hoạch.

Trưởng ban Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân TP. Hồ Chí Minh Cao Thanh Bình, nhấn mạnh: "Cần quan tâm tới tâm tư, tình cảm của cán bộ, công chức, viên chức sau khi sắp xếp đơn vị hành chính". Vị đại biểu Hội đồng nhân dân phản ánh cán bộ TP. Thủ Đức tâm tư nhiều và đề nghị các cơ sở rà soát, đảm bảo chuẩn hóa chất lượng cán bộ sau khi tái sắp xếp.

"Có một số cán bộ trước đây chưa đạt chuẩn thì giờ sắp xếp lại, đảm bảo đúng chuyên môn. Còn cán bộ đủ chuẩn mà dôi dư thì xem xét trao đổi với các địa phương khác có cán bộ chưa đạt chuẩn", ông Bình đề xuất.

Theo lộ trình sắp xếp 5 năm (2021 - 2025), số lượng cán bộ dôi dư của TP. Hồ Chí Minh là 644 người. Phó Trưởng ban Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân TP. Hồ Chí Minh Nguyễn Văn Đạt lưu ý: "Cần đánh giá, sắp xếp cán bộ sao cho không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Tư tưởng cán bộ phải an mới có thể làm việc hiệu quả".

Đại biểu Quốc hội Trần Hoàng Ngân, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển TP. Hồ Chí Minh, chia sẻ khi đo lường các chỉ số như năng lực cạnh tranh, cải cách hành chính thì xếp hạng của TP. Hồ Chí Minh cải thiện rất chậm dù phấn đấu nhiều. Một trong những nguyên nhân là sắp xếp bộ máy hành chính, nhân lực.

Nói về giải pháp, đại biểu này gợi ý TP. Hồ Chí Minh đề xuất Quốc hội cho phép kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết 54 về thí điểm cơ chế đặc thù (dự kiến kết thúc năm 2022). Cùng với đó, thành phố nên thúc đẩy việc xây dựng Luật Đô thị đặc biệt. Ngoài ra, ông gợi mở một số xã, phường đông dân nên tính phương án tách ra để thuận lợi cho quản lý.

Nguồn: zingnews.vn

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG: RÚT NGẮN THỜI HẠN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHI NỘP HỒ SƠ TRỰC TUYẾN

Sở Xây dựng Đà Nẵng vừa có Thông báo số 9370/TB-SXD về việc rút ngắn thời hạn giải quyết đối với 2 thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng TP. Đà Nẵng khi các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến.

Cụ thể, đối với thủ tục hành chính cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II - III, thời gian giải quyết của Sở Xây dựng Đà Nẵng khi hồ sơ nộp trực tuyến là 8 ngày làm việc so với khi hồ sơ nộp trực tiếp là 10 ngày làm việc. Đối với cấp lại chứng chỉ hàng nghề hoạt động xây dựng hạng II - III do lỗi cửa cơ quan cấp, thời gian giải quyết hồ sơ nộp trực tuyến là 3 ngày làm việc so với thời gian giải quyết hồ sơ nộp trực tiếp là 5 ngày làm việc.

Ngoài ra, Sở Xây dựng khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nộp hồ sơ và nhận kết quả thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4 trên Cổng dịch vụ công trực tuyến TP. Đà Nẵng (<https://dichvucong.danang.gov.vn>); sử dụng dịch vụ bưu chính công để gửi hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ tiếp nhận và trả kết quả tập trung - Trung tâm Hành chính TP. Đà Nẵng (24 Trần Phú, quận Hải Châu).

Theo Sở Xây dựng, việc rút ngắn thời hạn giải quyết một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng khi tổ chức, công dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến là nhằm thực hiện Kế hoạch số 389/KH-SXD về công tác cải cách hành chính năm 2021. Đồng thời, tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ công, đảm bảo việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp được thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại.

Sở Giao thông vận tải đã rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết đối với một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng ban hành Quyết định 3874/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.

Cụ thể, Sở Giao thông vận tải thực hiện cắt giảm, rút ngắn thời gian giải quyết đối với 12 thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Kết cấu hạ tầng giao thông; Vận tải thủy nội địa, quản lý phương tiện; Đăng ký phương tiện thủy nội địa và phương tiện vui chơi giải trí dưới nước với thời gian giải quyết sau điều chỉnh còn từ 2 - 7 ngày làm việc.

Đồng thời Sở Giao thông vận tải thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết 1 ngày đối với 7 thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực Vận tải đường bộ; Vận tải thủy nội địa, quản lý phương tiện khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến so với nộp hồ sơ trực tiếp.

Theo Chánh Văn phòng Sở Giao thông vận tải Nguyễn Hữu Cường, việc cắt giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính nêu trên nhằm tạo thuận lợi, giảm thời gian, chi phí khi thực hiện thủ tục hành chính tại Sở Giao thông vận tải và khuyến khích đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến tại Cổng dịch vụ công trực tuyến TP. Đà Nẵng.

Nguồn: doanhnghiepvn.vn

BẮC GIANG: NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Ngày 16/12, Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang tổ chức Hội nghị bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến đến điểm cầu các sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn.

Phát biểu khai mạc hội nghị, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Nghiêm Xuân Hưởng nhấn mạnh: chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên công nghệ số. chuyển đổi số được nhắc đến nhiều trong thời gian gần đây tại các cuộc hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm và đã vượt ra khỏi biên giới các quốc gia. Qua đó cho thấy chuyển đổi số có tầm quan trọng và là xu hướng tất yếu của xã hội loài người trong tương lai.

Xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong tỉnh, tháng 10/2020, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã quyết nghị nhiệm vụ trọng tâm mang tính đột phá trong lĩnh vực phát triển giáo dục, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, xã hội trong nhiệm kỳ 2020 - 2025. Đó là triển khai mạnh mẽ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới vào phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, xây dựng nền tảng công nghệ số, ứng dụng công nghệ số nhằm xây dựng chính quyền điện tử.

Đặc biệt, ngày 11/6/2021, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 111-NQ/TU về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 với mục tiêu khơi dậy khát vọng, tạo nên sức mạnh tinh thần để bứt phá vươn lên. Tỉnh phấn đấu đến năm 2030, Bắc Giang thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số.

Nếu so với nhiều với địa phương khác, tỉnh Bắc Giang chưa phải là tỉnh có nguồn lực kinh tế mạnh nhưng địa phương đã có cách làm riêng trong xây dựng chính quyền điện tử, cải cách hành chính, cung cấp các dịch vụ tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp... mang lại những

kết quả tích cực. Các hệ thống thông tin trọng yếu được triển khai đồng bộ, kết nối liên thông 4 cấp. Chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương năm 2020, tỉnh Bắc Giang đứng thứ 10/63 tỉnh, thành phố.

Tuy nhiên, chuyển đổi số vẫn là một khái niệm mới, nhiều cán bộ, đảng viên chưa hiểu thấu đáo, còn lúng túng trong quá trình thực hiện. Hội nghị lần này là cơ hội để các bộ, công chức, viên chức tìm hiểu, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số một cách căn bản nhất.

Tại hội nghị, các chuyên gia thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Viện Khoa học Công nghệ Vinasa đã phổ biến kiến thức tổng quan về chuyển đổi số, một số kết quả chủ yếu và định hướng chuyển đổi số của tỉnh; các cấp độ của chuyển đổi số; yếu tố thành bại của chuyển đổi số.

Trong đó, các chuyên gia nhấn mạnh, các yếu tố chính quyết định chuyển đổi số thành công là con người, thể chế, công nghệ. Tuy nhiên, việc thay đổi thói quen là khó khăn lớn nhất của chuyển đổi số.

Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Huy Dũng nêu, Chương trình chuyển đổi số quốc gia xác định 3 trụ cột chính là Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Đồng thời, lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu, động lực của chuyển đổi số. Người dân, doanh nghiệp cũng phải tham gia vào quá trình chuyển đổi số.

Chuyển đổi số không phải là chỉ đầu tư máy móc công nghệ mà cần quan tâm xây dựng thể chế thực hiện. Tỉnh Bắc Giang cần có tư duy đột phá với tầm nhìn chiến lược, có giải pháp, cách làm phù hợp, sát thực tiễn để xây dựng chương trình, kế hoạch có trọng tâm, trọng điểm.

Tỉnh Bắc Giang quan tâm đầu tư thích đáng cho chuyển đổi số, bảo đảm thể chế, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, quản trị trên nguyên tắc khoa học, hợp lý, hiệu quả. Tiếp tục giám sát, kiểm tra, đánh giá, đo lường chính xác, kịp thời mức độ, hiệu quả của chuyển đổi số để có các giải pháp thúc đẩy kịp thời; tăng cường công tác truyền thông đến mọi người dân, doanh nghiệp để tạo sự đồng thuận, thống nhất cao.

Nguồn: baobacgiang.com.vn

THÁI NGUYÊN: TIẾP TỤC CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH

Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 là một trong những nội dung đề án quan trọng đã được xem xét, thảo luận và thông qua tại Kỳ họp thứ tư, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIV vừa diễn ra mới đây. Đây chính là tiền đề quan trọng để Thái Nguyên tiếp tục duy trì các kết quả đạt được trong thu hút đầu tư thời gian qua.

Trong những năm gần đây, tỉnh Thái Nguyên đã có nhiều giải pháp quyết liệt tạo động lực cải thiện và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Những giải pháp đó đã tạo môi trường kinh doanh thực sự thông thoáng, minh bạch, năng động và thuận lợi cho các thành phần kinh

tê tham gia đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

Mặc dù các chỉ số cải cách hành chính của tỉnh hiện nay đang giữ ở tốp đầu trong toàn quốc nhưng chưa ổn định, một số chỉ số thành phần còn giảm điểm, điều đó khẳng định tính bền vững của chỉ số cải cách hành chính chưa cao. Qua khảo sát, đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước cho thấy nguyên nhân là do trách nhiệm thực thi công vụ của một số cán bộ công chức ở một số nơi chưa tốt, vẫn còn đơn vị, địa phương để hồ sơ quá hạn, việc cung ứng các dịch vụ công còn hạn chế.

Vì thế, để khắc phục tình trạng này trong giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã xây dựng Chương trình cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025 và đã được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Hội nghị lần thứ 12 đồng ý chủ trương. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã xây dựng Đề án cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên thông qua tại Kỳ họp. Đây chính là cơ sở để các ngành, các cấp xây dựng và triển khai các kế hoạch, giải pháp cụ thể trong từng lĩnh vực quản lý Nhà nước, nhằm cải thiện chất lượng điều hành kinh tế - xã hội của tỉnh; thống nhất nhận thức, hành động của các ngành, các cấp và nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; hướng tới mục tiêu phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, giảm thiểu các hạn chế của tỉnh về môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; phấn đấu đưa tỉnh Thái Nguyên trở thành một điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Đề án đã xác định với 03 mục tiêu chính đó là: Cụ thể hóa các nội dung Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Đề xuất những nhiệm vụ, giải pháp tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi nhất cho các tổ chức, cá nhân, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng Thái Nguyên là một trong những trung tâm kinh tế công nghiệp hiện đại của khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và vùng Thủ đô Hà Nội vào năm 2030.

Xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch, hấp dẫn, thuận tiện; nâng cao hiệu quả, quản lý Nhà nước về đầu tư, kinh doanh...; triển khai đồng bộ, có hiệu quả các cơ chế, chính sách nhằm thu hút, khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nhanh và bền vững; duy trì chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh luôn trong nhóm những tỉnh có chất lượng điều hành tốt của cả nước.

Để thực hiện hiệu quả 3 mục tiêu trên, Đề án cũng đã xác định những nhiệm vụ cụ thể đó là: Nâng cao vai trò, sự lãnh đạo, chỉ đạo và định hướng của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến địa phương trong việc cải cách bộ máy và thủ tục hành chính, thu hút đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Hoàn thiện các quy định pháp lý, xây dựng các cơ chế chính sách về đầu tư của tỉnh; hoàn thiện đồng bộ các thủ tục hành chính, tăng cường hiệu quả hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công; nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính Nhà nước và chất lượng phục vụ của cán bộ công chức trong công tác phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả xúc tiến, thu hút đầu tư và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; tập trung kêu gọi các nhà đầu tư có tiềm năng, sử dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, có tầm ảnh hưởng lớn ở các khu vực, các nền kinh tế hiện đại như các nhà đầu tư khối EU, Mỹ... và các nền kinh tế lớn ở châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc. Chủ động lựa chọn các dự án, lĩnh vực đầu tư có tính khả thi, tác động lớn, quan trọng ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư giai đoạn 2021 - 2025; đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư; đảm bảo ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Cùng với đó, Đề án cũng đưa ra một số giải pháp thực hiện đó là: Giải pháp về cơ chế, chính sách và cải cách hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp gia nhập thị trường; giải pháp về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, tăng cường công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận đất đai và bồi thường giải phóng mặt bằng; giải pháp về nâng cao tính năng động của lãnh đạo, công tác xúc tiến, thu hút đầu tư và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu cho các nhà đầu tư; giải pháp đảm bảo ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Một số giải pháp khác như: Nâng cao hiệu quả việc phòng, chống tham nhũng; tăng cường phối hợp với các địa phương xử lý vấn đề môi trường; tăng cường quản lý thông tin về đầu tư đảm bảo thông tin; nâng cao vai trò giám sát của nhân dân.

Có thể khẳng định, tiếp nối những kết quả đã đạt được trong thời gian qua, giai đoạn 2021 - 2025, cùng với sự nỗ lực quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền các cấp tỉnh Thái Nguyên trong việc đề ra các mục tiêu và tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh sẽ tạo nền tảng để tỉnh Thái Nguyên triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính ở mức độ cao hơn trong giai đoạn tiếp theo.

Nguồn: baoxaydung.com.vn

NINH BÌNH: CHẤM CHỈNH CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ký ban hành Văn bản số 522/UBND-VP7 chấn chỉnh công tác cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

Theo Báo cáo số 121/BC-TCT kiểm tra, giám sát công tác cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Bình của Tổ công tác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình: Cơ bản các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn được kiểm tra chưa rà soát, bổ sung nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2022 theo Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 24/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành

chính tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 - 2030; chưa triển khai hoặc có triển khai nhưng không đảm bảo tiến độ về việc số hóa các thủ tục hành chính bằng giấy còn hiệu lực cần số hóa theo Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 23/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Vẫn còn trường hợp các xã, phường tự ý quy định từng ngày trong tuần tiếp nhận từng loại thủ tục hành chính; một số cán bộ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực về Đất đai, Lao động - Thương binh và xã hội cấp xã có biểu hiện tự ý quy định thêm thủ tục hành chính; Cán bộ trực tiếp tiếp nhận, trả kết quả thủ tục hành chính chưa thực hiện đúng quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm điện tử; trình độ chuyên môn và trình độ tin học chưa đáp ứng được yêu cầu hoặc tinh thần trách nhiệm chưa cao, chưa thực hiện hết chức trách, nhiệm vụ được phân công.

Việc giải quyết thủ tục hành chính quá hạn của các đơn vị được kiểm tra vẫn còn nhiều nhưng chưa thực hiện việc xin lỗi công dân theo quy định; việc chấp hành thời gian làm việc, quy chế làm việc của một số cán bộ tại bộ phận tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận một cửa cấp huyện và Bộ phận 1 cửa cấp xã chưa nghiêm túc....

Tại văn bản số 522/UBND-VP7, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình yêu cầu Sở Thông tin và Truyền thông khẩn trương tổng hợp, báo cáo về kết quả thực hiện Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 23/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thi hành trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2025; nghiên cứu, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch để các Sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, chấn chỉnh ngay việc bán hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện; xem xét, xử lý trách nhiệm đối với hành vi vi phạm; Có giải pháp nâng cao trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thủ tục hành chính tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và các Chi nhánh; làm rõ lý do, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc giải quyết thủ tục hành chính quá hạn hoặc có nhiều lần phải bấm nút tạm dừng trên hệ thống phần mềm điện tử hoặc không cập nhật hồ sơ thủ tục hành chính trên hệ thống phần mềm điện tử; chỉ đạo thực hiện nghiêm túc quy định về việc xin lỗi đối với tổ chức, công dân về những hồ sơ giải quyết quá hạn.

Đồng thời, giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình điện tử về tiếp nhận, luân chuyển, giải quyết, trả kết quả thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa của cấp huyện, cấp xã.

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn cập nhật ngay các thủ tục hành chính và Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành để công dân, tổ chức có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính tra cứu, thực hiện; bãi bỏ ngay các quy định về việc tiếp, giải quyết thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực của từng ngày trong tuần.

Bộ trí, phân công cán bộ, công chức trực tiếp làm việc tại Bộ phận một cửa cấp xã đảm bảo đủ để tiếp nhận tất cả các hồ sơ về thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định.

Bên cạnh đó, chỉ đạo kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tự ý quy định thêm thủ tục hành chính hoặc vi phạm quy chế làm việc, quy chế quy chế văn hóa công sở và chức trách, nhiệm vụ được phân công; có giải pháp cụ thể nâng cao vai trò trách nhiệm, trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và trả kết quả tại Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã.

Nguồn: phapluatplus.vn

QUẢNG NAM: HUYỆN BẮC TRÀ MY Khai trương Trung tâm Điều hành Thông minh

Chiều ngày 15/12, Ủy ban nhân dân huyện Bắc Trà My tổ chức khai trương, vận hành thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh (IOC). Mô hình được triển khai trên nền tảng giải pháp Smart City của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel).

Huyện Bắc Trà My là huyện miền núi đầu tiên của tỉnh triển khai xây dựng, đưa vào vận hành Trung tâm Điều hành thông minh cấp huyện. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Trà My, ông Thái Hoàng Vũ cho biết: Trung tâm IOC huyện Bắc Trà My triển khai vận hành thử nghiệm đồng thời 6 dịch vụ giám sát thông minh, cụ thể: (1) Nền tảng Trung tâm Điều hành thông minh; (2) Hệ thống Giám sát điều hành an ninh trật tự và giao thông; (3) Hệ thống giám sát điều hành thông tin trên môi trường mạng (Reputa); (4) Hệ thống Giám sát điều hành dịch vụ công trực tuyến; (5) Hệ thống điều hành chuyên ngành giáo dục; (6) Hệ thống giám sát điều hành chuyên ngành Y tế.

Trong đó, dịch vụ tương tác với người dân nhiều nhất là phản ánh kiến nghị. Người dân có thể phản ánh, kiến nghị về những bất cập trong đời sống xã hội với chính quyền trực tiếp bằng smartphone hoặc qua website của Trung tâm, kèm theo hình ảnh, video.

Đặc biệt, dịch vụ giám sát an ninh trật tự, giao thông, giám sát sạt lở, mực nước khu vực đập tràn, thủy điện thông qua cảm biến camera góp phần cảnh báo cho người dân về các vị trí có nguy cơ sạt lở hoặc sạt lở về mực nước định tuyến lại tuyến đường để giúp người dân tránh khỏi những nguy cơ xảy ra trong quá trình di chuyển...

Theo Kế hoạch đến năm 2025, hệ thống IOC huyện Bắc Trà My còn triển khai thêm nhiều hạng mục như hệ thống camera an ninh trật tự, giao thông; hệ thống giám sát cảnh báo thiên tai (sạt lở), giám sát dịch vụ công 1 cửa; hệ thống quy hoạch và quản lý đô thị, đất đai..., góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội bền vững, nâng cao chất lượng đời sống xã hội và phục vụ người dân một cách tốt nhất.

Viettel Quảng Nam (đơn vị triển khai giải pháp) cho biết trong giai đoạn tiếp theo của dự án, Viettel cam kết sẽ luôn đồng hành cùng Ủy ban nhân dân huyện Bắc Trà My, áp dụng tối đa các nền tảng công nghệ số mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống, đảm bảo tính liên thông, đồng nhất và bảo mật, an toàn thông tin tối đa.

Phát biểu tại Lễ khai trương, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Phạm Hồng Quảng cho biết thêm, trên cơ sở IOC, Ủy ban nhân dân huyện Bắc Trà My cần tiếp tục quan tâm, thúc đẩy chuyển đổi số, nhất là việc xây dựng, liên thông cơ sở dữ liệu; quan tâm triển khai hạ tầng số, hạ tầng công nghệ thông tin. Trong quá trình đó cần quan tâm đến nhu cầu của người dân, doanh nghiệp để kế hoạch chuyển đổi số đạt kết quả tốt đẹp hơn.

Nguyễn Thảo, Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam

KHÁNH HÒA: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KHẢO SÁT Ý KIẾN CÁN BỘ, CÔNG CHỨC XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có văn bản triển khai một số nội dung nâng cao chất lượng khảo sát ý kiến cán bộ, công chức theo hình thức trực tuyến, phục vụ việc xác định chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo, quán triệt đảm bảo tất cả cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị được chọn, cử tham gia khảo sát trực tuyến phục vụ xác định chỉ số cải cách hành chính của các bộ, tỉnh (vào tháng 12/2021 và các năm tiếp theo) tham gia khảo sát trực tuyến đầy đủ, nghiêm túc. Cán bộ, công chức thường xuyên kiểm tra thư điện tử công vụ, đảm bảo quy định quản lý, sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 18/6/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh cũng yêu cầu Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh vận hành thông suốt, ổn định, tiếp nhận được thư điện tử hướng dẫn khảo sát trực tuyến từ Bộ Nội vụ; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa làm đầu mối phối hợp triển khai khảo sát ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo hình thức trực tuyến phục vụ việc xác định chỉ số cải cách hành chính của tỉnh; Sở Nội vụ chủ trì tổ chức triển khai khảo sát theo hình thức trực tuyến phục vụ việc xác định chỉ số cải cách hành chính của các bộ, tỉnh trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Được biết, kết quả chỉ số cải cách hành chính tỉnh trong những năm gần đây do Bộ Nội vụ công bố cho thấy kết quả khảo sát ý kiến cán bộ, công chức của tỉnh chưa phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả cải cách hành chính mà tỉnh đạt được dẫn đến có sự chênh lệch trong đánh giá của Bộ Nội vụ và kết quả khảo sát. Năm 2020, theo kết quả Bộ Nội vụ thẩm định công tác cải cách hành chính, tỉnh đứng vị trí 20/63 tỉnh, thành phố nhưng kết quả khảo sát cán bộ, công chức đánh giá công tác cải cách hành chính của tỉnh lại đứng ở vị trí 57/63. Điều này

dẫn đến kết quả chỉ số cải cách hành chính chung của tỉnh đứng vị trí 48/63 tỉnh, thành phố. Điều đó cho thấy kết quả khảo sát ý kiến của cán bộ, công chức được chọn và cử tham gia khảo sát trực tuyến sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả chỉ số cải cách hành chính của tỉnh. Do đó, các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh truyền thông về kết quả cải cách hành chính của tỉnh tới toàn thể cán bộ, công chức để giúp họ nâng cao nhận thức, tăng sự tin tưởng và đưa ra những đánh giá, ghi nhận chính xác những nỗ lực của tỉnh trong công tác cải cách hành chính.

Nguồn: baokhanhhoa.vn

BÀ RỊA - VŨNG TÀU: PHẦN ĐÁU TỪ 90% NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP HÀI LÒNG VỀ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 4655/QĐ-UBND về Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

Kế hoạch tập trung vào 6 nội dung gồm: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

Kế hoạch đặt mục tiêu đến năm 2025: 100% văn bản hướng dẫn, thi hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước phải được rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế phù hợp, kịp thời theo quy định; 100% văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành được kiểm tra, phát hiện và tham mưu xử lý kịp thời những văn bản vi phạm theo quy định của pháp luật; tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử; 80% thủ tục hành chính khi người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến; đạt từ 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về giải quyết thủ tục hành chính; tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn đạt tối thiểu 98%.

Bên cạnh đó, thực hiện sắp xếp, giảm đầu mỗi đơn vị sự nghiệp, tinh giản biên chế, đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp, bảo đảm giảm tối thiểu 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021. 100% cơ quan hành chính nhà nước bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm.

Nguồn: baobariavungtau.com.vn

BẢO ĐẢM CÁC QUYỀN CƠ BẢN CỦA NGƯỜI DÂN THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Cải cách thủ tục hành chính ở Việt Nam trong những thập kỷ vừa qua đã đạt được những kết quả to lớn trong việc bảo đảm các quyền cơ bản của công dân. Để tăng cường cải cách thủ tục hành chính nhằm bảo đảm các quyền cơ bản của công dân cần có những giải pháp đồng bộ, hệ thống từ nhận thức đến hành động trong bộ máy hành chính nhà nước và người dân.

Khái quát chung về cải cách thủ tục hành chính trong việc bảo đảm các quyền cơ bản của người dân

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của tiến trình cải cách hành chính ở nước ta được xác định là tiến hành cải cách thủ tục hành chính hướng tới nâng cao hiệu lực và hiệu quả của hoạt động công vụ. Cải cách thủ tục hành chính tạo ra bước chuyển căn bản thủ tục giải quyết công việc giữa các cơ quan nhà nước với nhau, giữa cơ quan nhà nước với tổ chức xã hội và giữa cơ quan nhà nước với công dân. Cải cách thủ tục hành chính còn là phương tiện cụ thể hóa một cách chính thống phần lớn các quyền của công dân, con người vốn được ghi nhận trong Hiến pháp. Nhiều quyền cơ bản của công dân chỉ có thể được bảo đảm, bảo vệ khi được cụ thể hóa thông qua cải cách thủ tục hành chính, nhờ có các quy phạm pháp luật cải cách thủ tục hành chính mà các quy phạm Hiến pháp về quyền con người, quyền công dân được thực hiện trên thực tế.

Về khái niệm “cải cách thủ tục hành chính” và “quyền cơ bản của người dân”

Cải cách thủ tục hành chính

Cải cách thủ tục hành chính theo nghĩa chung nhất, thủ tục là phương thức, cách thức giải quyết công việc theo một trình tự nhất định, một thể lệ thống nhất, gồm một loạt nhiệm vụ liên quan chặt chẽ với nhau nhằm đạt được kết quả mong muốn. Các cơ quan nhà nước khi tiến hành các hoạt động cần phải tuân theo pháp luật, trong đó có những quy định về trình tự, cách thức sử dụng thẩm quyền của từng cơ quan để giải quyết công việc theo chức năng nhiệm vụ được giao. Những quy định như trên được gọi là những quy phạm thủ tục. Quy phạm thủ tục sẽ quy định về các loại thủ tục cần thiết trong hoạt động quản lý nhà nước như: thủ tục lập pháp, thủ tục tổ tụng tư pháp, thủ tục hành chính.

Thủ tục hành chính là “Trình tự, cách thức giải quyết công việc của cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền trong mối quan hệ nội bộ hành chính và mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với tổ chức người dân”(1). Thủ tục hành chính được quy định để các cơ quan nhà nước có thể thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước, bao gồm: trình tự thành lập các công sở; trình tự bổ nhiệm, bãi nhiệm, điều động cán bộ, công chức; trình tự lập quy, áp dụng quy phạm pháp luật để bảo đảm các quyền chủ thể, trình tự điều hành, tổ chức các tác nghiệp hành chính... thủ tục hành chính có vai trò quan trọng trong hoạt động đời sống cộng đồng, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của Nhân dân. Các cơ quan quản lý nhà nước thực

hiện chức năng mà Nhà nước giao, người dân thể hiện quyền và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện thủ tục hành chính.

Cải cách thủ tục hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của cải cách hành chính nhằm tạo bước chuyển căn bản trong quan hệ và thủ tục giải quyết công việc giữa các cơ quan nhà nước với nhau, giữa cơ quan nhà nước với tổ chức xã hội và giữa cơ quan nhà nước với công dân. Cải cách thủ tục hành chính là một bộ phận của cải cách thể chế hành chính nhà nước, nhằm xây dựng và thực thi thủ tục hành chính theo những chuẩn mực nhất định. Cải cách thủ tục hành chính thực chất là cải cách trình tự thực hiện thẩm quyền hành chính trong mối liên hệ tới quyền và nghĩa vụ của công dân, tổ chức và nội bộ cơ quan nhà nước.

Quyền cơ bản của người dân

Quyền cơ bản của người dân Việt Nam được hiểu là các lợi ích cụ thể mà pháp luật ghi nhận cho công dân. Thông thường, các quyền này gắn với nghĩa vụ của công dân. Hiến pháp năm 2013 quy định các quyền cơ bản của công dân Việt Nam bao gồm các quyền về dân sự, chính trị, các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa. Quyền công dân là hình thức pháp lý, thể hiện cụ thể về quyền con người được pháp luật của một quốc gia công nhận. Bảo đảm các quyền công dân là việc tạo ra các tiền đề, điều kiện về chính trị, pháp lý trong đó có các cải cách về thủ tục hành chính ... để cá nhân, công dân, các tổ chức của công dân thực hiện được các quyền, lợi ích chính đáng của họ.

Bảo đảm quyền công dân là việc xác định các biện pháp pháp lý, các biện pháp tổ chức, cơ chế để bảo vệ các quyền công dân khi bị xâm phạm từ phía cơ quan công quyền, hay từ các chủ thể khác nhằm khôi phục các quyền đã bị xâm phạm. Các quyền công dân rất đa dạng, được bảo đảm, bảo vệ bằng cả hệ thống thể chế nhà nước. Mỗi lĩnh vực thể chế nhà nước bảo đảm quyền công dân bằng những phương thức, cách thức chuyên biệt riêng. Thủ tục hành chính luôn gắn với hoạt động cuộc sống thường ngày của mỗi công dân. Thủ tục hành chính bảo đảm quyền công dân thông qua từng chế định của nó dù hiểu pháp luật hành chính theo nghĩa rộng, nghĩa hẹp khác nhau.

Về vai trò của cải cách thủ tục hành chính trong việc bảo đảm các quyền cơ bản của công dân

Cải cách thủ tục hành chính là phương tiện cụ thể hóa một cách chính thống phần lớn các quyền, tự do của công dân vốn được ghi nhận trong Hiến pháp, như: về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Nhiều quyền cơ bản của công dân chỉ có thể được bảo đảm, bảo vệ khi được cụ thể hóa thông qua thủ tục hành chính, nhờ có các quy phạm pháp luật cải cách thủ tục hành chính mà các quy phạm Hiến pháp về quyền công dân được thực hiện trên thực tế.

Cải cách thủ tục hành chính nhằm giới hạn quyền lực của hệ thống hành chính nhà nước trong mối quan hệ với cá nhân, tổ chức của công dân. Trong bộ máy nhà nước, bộ máy hành chính nhà nước có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hành chính rất đông đảo, hoạt động của họ luôn gắn với công vụ, công chức nhà nước, luôn gắn với việc giải quyết các công việc của cá nhân, tổ chức và được bảo đảm bởi một bộ máy mang tính quyền lực nhà nước có tính cưỡng chế cao. Vì vậy, mọi hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, của cán bộ, công

chức, viên chức đều phải được giới hạn bởi các quy phạm pháp luật về thủ tục hành chính, trước hết là thủ tục hành chính để tránh sự tùy tiện trong việc giải quyết các công việc của cá nhân, tổ chức, đặc biệt là giới hạn việc sử dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính.

Thủ tục hành chính là phương tiện để công dân có thể kiểm soát được các hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, từ hoạt động điều hành hành chính đến hoạt động xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; hoạt động tổ chức có tính nội bộ cơ quan hành chính nhà nước đến hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính trên mọi lĩnh vực, mọi mặt đời sống dân cư trên toàn lãnh thổ quốc gia... Kiểm soát hoạt động của hành chính nhà nước, một mặt để tăng cường pháp chế trong quản lý, mặt khác nhằm phòng ngừa, ngăn chặn những hành vi vi phạm của hệ thống hành chính tới quyền công dân.

Thủ tục hành chính là biện pháp pháp lý, các phương thức, cách thức khác nhau để bảo vệ các quyền công dân khi bị xâm hại trong hầu hết các lĩnh vực quan hệ xã hội. Trong thực tiễn tổ chức và hoạt động của Nhà nước và đời sống xã hội, quyền công dân có thể bị xâm hại từ phía các cơ quan quyền lực nhà nước, hay từ các chủ thể khác. Vì vậy, để bảo vệ, khôi phục các quyền công dân trước hết phải xuất phát từ bộ máy hành chính, dựa trên cơ sở các quy phạm pháp luật về thủ tục hành chính để cải cách một cách hiệu quả.

Bảo đảm các quyền cơ bản của công dân thông qua cải cách thủ tục hành chính

Thứ nhất, việc cải cách thủ tục hành chính nhằm bảo đảm các quyền cơ bản của công dân đã được Đảng, Nhà nước quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trong quá trình xây dựng đất nước.

Các quyền cơ bản của công dân đã được khẳng định: “Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện”(2). Điều này cho thấy, chủ trương, chính sách của Đảng về cải cách thủ tục hành chính nhằm bảo đảm và thực thi quyền cơ bản của công dân được khẳng định từ trong chiến lược phát triển đất nước. Quan điểm chỉ đạo của Đảng là cơ sở chính trị quan trọng để Quốc hội, Chính phủ đề ra các chính sách cải cách thủ tục hành chính góp phần bảo đảm các quyền cơ bản của công dân.

Thứ hai, các quyền cơ bản của công dân luôn được ghi nhận đầy đủ trong Hiến pháp và pháp luật về cải cách thủ tục hành chính.

Kế thừa Hiến pháp năm 1946 và tinh hoa lập hiến của nhân loại, Điều 50 Hiến pháp năm 2013 ghi nhận: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật”. Tiếp đó, từ Điều 51 - 75 trong Hiến pháp năm 2013 đã ghi nhận các quyền cơ bản của công dân thông qua các lĩnh vực, như: chính trị, quyền bình đẳng, lao động, kinh doanh, thu nhập, học tập và các chế độ, chính sách khác.

Như vậy, các quyền, nghĩa vụ của mọi công dân đã được quy định tại Hiến pháp, các luật chuyên ngành và các văn bản quy phạm pháp luật. Những quy định này có được thực hiện hay không, thực hiện như thế nào đều phải thông qua thủ tục hành chính do các cơ quan, các

cấp chính quyền nhà nước tiến hành. Nhà nước đã ban hành các chính sách quản lý không chỉ nhằm bảo vệ pháp luật, chế độ chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, các quyền hợp pháp chính đáng của mọi tổ chức và công dân, mà còn tạo điều kiện, môi trường pháp lý, môi trường xã hội thuận lợi cho các tổ chức và công dân làm ăn, sinh sống.

Thứ ba, các chính sách cải cách thủ tục hành chính của Nhà nước đang ngày càng hướng đến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp.

Trên thực tế, cải cách thủ tục hành chính đã được triển khai ở mọi cấp, mọi ngành: cải cách thủ tục hành chính theo hướng “một cửa”, “một cửa liên thông”, nhiều loại giấy tờ không cần thiết đã được bãi bỏ. Việc cải cách đó nhằm bảo đảm, bảo vệ các quyền, tự do của công dân ngày một tốt hơn; hướng tới một nền hành chính trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực, hiệu quả. Kết quả của cải cách thủ tục hành chính tạo ra bước chuyển căn bản trong thủ tục giải quyết công việc giữa các cơ quan nhà nước với nhau, giữa cơ quan nhà nước với tổ chức xã hội và giữa cơ quan nhà nước với công dân. Nhiều quyền cơ bản của công dân chỉ có thể được bảo đảm, bảo vệ khi được cụ thể hóa thông qua các cải cách thủ tục hành chính, nhờ có các quy phạm pháp luật cải cách thủ tục hành chính mà các quy phạm Hiến pháp về quyền công dân được thực hiện trên thực tế.

Thứ tư, kết quả của cải cách thủ tục hành chính ở Việt Nam trên một số lĩnh vực đã có những tác động đến việc bảo đảm các quyền cơ bản của công dân.

Về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân: đã xây dựng các văn bản hướng dẫn về xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tổ chức tuyên truyền có hiệu quả về cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; hoàn thành lựa chọn nhà thầu triển khai dự án; tổ chức thí điểm thu thập thông tin dân cư và thí điểm triển khai phần mềm đăng ký, quản lý cư trú; chuẩn bị các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực phục vụ triển khai dự án, tổ chức có hiệu quả việc cung cấp số định danh cá nhân thông qua cấp căn cước công dân và đăng ký khai sinh.

Về cải thiện môi trường kinh doanh và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, một số bộ đã nhanh chóng triển khai các công việc cụ thể. Đơn cử: Bộ Công thương bãi bỏ gần 700 điều kiện kinh doanh; Bộ Xây dựng đề xuất bãi bỏ 41,3% tổng số điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa 43,7% điều kiện kinh doanh; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất bỏ 34,2% điều kiện kinh doanh và cắt giảm 56,5% thủ tục hành chính(3)...

Về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích đạt kết quả tích cực: 100% bộ, ngành, địa phương đã tiến hành rà soát và công bố danh mục thủ tục hành chính được thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích; có 61/63 tỉnh, thành phố đã ký kết thỏa thuận cung ứng dịch vụ với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; 51/63 địa phương đã phối hợp với Bưu điện cấp tỉnh tổ chức đào tạo, tập huấn nghiệp vụ về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho nhân viên bưu điện. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho cá nhân, tổ chức đã đạt được một số kết quả tích cực, số lượng dịch vụ công cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 ngày càng cao; chất lượng cung cấp cũng từng bước được nâng lên(4).

Tuy vậy, cũng phải nhận thấy một thực tế, khi cần đến cơ quan công quyền để giải quyết những công việc cụ thể, công dân lại thấy sự phức tạp của thủ tục, không đầy đủ của các quy phạm pháp luật về thủ tục. Không ít trường hợp khi công dân đến cơ quan hành chính công quyền yêu cầu, đề nghị, hay để thực hiện những quyền chủ thể của mình cũng rất khó khăn, phải qua nhiều cửa, nhiều cấp. Rõ ràng, ở đây thủ tục hành chính đã không bảo đảm một cách đầy đủ được các quyền của con người, công dân; mặt khác chính các quy phạm thủ tục hành chính đôi khi làm phức tạp, gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện các quyền của họ đã được pháp luật ghi nhận.

Từ đây, nảy sinh vấn đề phải chăng chúng ta cải cách thủ tục hành chính còn nặng về cải cách quy trình, trình tự, thời hạn, thời hiệu, cách thức, lề lối làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước, mà chưa cải cách bộ máy hành chính nhà nước, chưa phân cấp một cách đầy đủ, hữu hiệu; chưa thay đổi thẩm quyền của các cơ quan nhà nước ở mọi cấp, mọi ngành một cách hợp lý trong việc giải quyết các công việc của công dân, tổ chức.

Tăng cường cải cách thủ tục hành chính trong việc bảo đảm các quyền cơ bản của công dân ở Việt Nam

Một là, hoàn thiện nội dung và hình thức của thủ tục hành chính bằng cách thực hiện rà soát, sửa đổi và thay thế những văn bản, quy phạm không còn phù hợp và cần phải pháp điển hóa, nâng cấp chất lượng ban hành văn bản quy phạm... Bên cạnh đó, phải thay đổi tư duy, quan điểm, nhận thức về Nhà nước, về hệ thống hành chính nhà nước. Cần nhận thức và sửa chữa, khắc phục những hạn chế trong quá trình xây dựng và ban hành các quy phạm pháp luật; thay đổi nhận thức, thái độ trong cải cách thủ tục hành chính.

Hai là, cần có cách nhìn tổng quát, hệ thống về cải cách thủ tục hành chính; giải quyết cái cốt lõi, cái gốc của vấn đề, đặc biệt là những quy định của hệ thống hành chính liên quan tới việc hạn chế các quyền của công dân, hay việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính trong quản lý.

Ba là, hoàn thiện pháp luật hành chính phải được tiến hành một cách đồng bộ cả pháp luật vật chất, pháp luật thủ tục, pháp luật tổ tụng hành chính. Hoàn thiện thủ tục hành chính với tư cách là phương tiện bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Phương tiện này cần được đặc biệt chú ý bởi nó liên quan đến đời sống hằng ngày cũng như chiếm khối lượng chủ yếu trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân (như đăng ký kinh doanh, đóng thuế, tạm trú, xử phạt hành chính,...).

Nhiệm vụ cải cách nền hành chính đặt ra các yêu cầu bức xúc về cải cách mạnh mẽ hơn thủ tục hành chính theo hướng xóa bỏ triệt để cơ chế “xin - cho”, đơn giản hóa các thủ tục. Cần thay đổi nhận thức về cải cách hành chính nhà nước từ cai trị chuyển sang Nhà nước phục vụ, xây dựng một Chính phủ kiến tạo. Trên cơ sở đó, Nhà nước cũng có những thay đổi về vai trò quản lý từ “người chèo thuyền” sang “ người lái thuyền” trong bối cảnh hội nhập của đất nước.

Bốn là, đổi mới nhận thức về mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước và công dân. Các cơ quan hành chính nhà nước không nên quan niệm công dân chỉ là người thụ hưởng

mà cần nhìn nhận đây là khách hàng. Tính chất phục vụ thể hiện trên nhiều hình thức khác nhau và phải thể hiện trong tư duy công dân là khách hàng của các cơ quan hành chính nhà nước. Từ đó, các cơ quan hành chính nhà nước phải thiết lập cơ cấu tổ chức hợp lý để hiểu khách hàng của mình hơn thông qua điều tra, nghiên cứu khách hàng, chăm sóc, theo dõi khách hàng, giải quyết các kiến nghị, yêu cầu khiếu nại. Xây dựng các khế ước cam kết về sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước đối với công dân.

Năm là, vai trò trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành chính nhà nước trước Nhân dân cần được đề cao. Phải có những quy định được thể chế hóa, chế tài rõ ràng, cụ thể và nghiêm minh đối với những hành vi che giấu hoặc từ chối cung cấp thông tin hợp pháp của các cơ quan, của cán bộ, công chức nhà nước. Nhà nước cần tiếp tục bổ sung và bảo đảm thực hiện các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các cơ quan công quyền trong việc cung cấp thông tin. Phải làm rõ trách nhiệm cung cấp thông tin, trách nhiệm giám sát tuân thủ và các chế tài xử phạt trong trường hợp không cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.

ThS. Trần Thị Ngọc Quyên, Học viện Hành chính Quốc gia

Nguồn: quanlynhanuoc.vn

Chú thích:

- (1). Kỷ yếu kỳ họp thứ năm, Quốc hội khóa IX. Tập V. Hà Nội, 1994.
- (2). Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI. H. NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr.85.
- (3), (4). Tác giả tổng hợp từ nguồn Báo cáo của Văn phòng Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính quốc gia.

Tài liệu tham khảo:

1. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam. H. NXB Chính trị quốc gia, 2011.
2. Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011- 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ.
3. Báo cáo Kết quả thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010 và phương hướng cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020.

ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách tạo thuận lợi hơn, giảm chi phí cho doanh nghiệp trong các hoạt động đầu tư xây dựng.

Mặc dù vậy, thủ tục hành chính về đầu tư xây dựng và một số lĩnh vực liên quan vẫn còn gây nhiều khó khăn đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là nhóm thủ tục liên ngành, liên quan thẩm quyền của nhiều cơ quan nhà nước và nhiều cấp chính quyền khác nhau.

Các doanh nghiệp và chuyên gia đánh giá việc đẩy mạnh cải cách hành chính trong những lĩnh vực quan trọng như đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường có tác dụng tích cực không kém một “gói cứu trợ”, nhất là trong bối cảnh khó khăn bởi đại dịch COVID-19.

Xóa những điểm nghẽn

Theo khảo sát của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) về mức độ thuận lợi khi tuân thủ các thủ tục đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, trong số 10 nhóm thủ tục được đánh giá, hai thủ tục dễ thực hiện nhất đối với doanh nghiệp là kết nối cấp, thoát nước và kết nối, cấp điện. Trong khi đó, nhóm thủ tục về đất đai, giải phóng mặt bằng và quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị gặp nhiều khó khăn nhất.

Tiếp đến là nhóm thủ tục liên quan thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng, báo cáo tác động môi trường và thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy. Đây đều là những bước quan trọng để đầu tư các dự án xây dựng.

So với những năm trước, một số thủ tục đã được đơn giản hóa, được doanh nghiệp phản ánh dễ dàng hơn. Tuy nhiên, một số thủ tục gây khó khăn hơn cho doanh nghiệp do yêu cầu tuân thủ cao hơn đáng kể như: thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, thẩm định báo cáo tác động môi trường và thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng.

Phân tích cụ thể hơn, Chủ tịch Hiệp hội Nhà thầu xây dựng Việt Nam Nguyễn Quốc Hiệp cho biết, tác động của dịch COVID-19 và “bão giá” vật liệu xây dựng vừa qua đã ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất, kinh doanh của các đơn vị. Nhiều nhà thầu không dám nhận thêm việc, kế hoạch doanh thu cả năm chỉ đạt từ 70% đến 85%. Khả năng thanh toán của các chủ đầu tư gặp khó khăn, nhiều nhà thầu bị nợ đọng hàng nghìn tỷ đồng.

Đơn cử, trước đây nhà thầu đặt mức lợi nhuận khoảng 10%, nhưng gần đây khi thị trường công việc thu hẹp, mức lợi nhuận đề ra giảm xuống còn 4% và nếu bị chậm trả, chắc chắn sẽ không còn lãi. Do đó, cần có chế tài đủ mạnh để chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu thông qua xây dựng cơ chế bảo lãnh thanh toán hoặc chủ đầu tư chưa ký quyết toán thì không đưa công trình vào sử dụng...

Hay một trong những vấn đề còn tồn tại nhiều năm qua là công tác giải phóng mặt bằng, hiện nay vẫn còn trải qua 177 bước, rất rườm rà, gây tốn kém cả chi phí và thời gian, vì vậy, cần xây dựng cơ chế rõ ràng trong việc thu hồi đất. Trong khi đó, việc định giá đất thông qua

các hội đồng định giá tại các địa phương còn nhiều bất cập, hệ số đền bù đất không thống nhất, khiến nhà đầu tư không thể dự trù trước chi phí để đầu tư xây dựng. Bên cạnh đó, công tác kiểm soát biến động giá vật liệu xây dựng tại các địa phương còn chậm so với thực tế, dẫn đến làm đội chi phí xây dựng công trình...

Theo PGS. TS. Trần Chung, Chủ tịch Hiệp hội Các nhà đầu tư công trình giao thông đường bộ Việt Nam, một trong những vướng mắc điển hình không chỉ tại các công trình giao thông nói riêng mà còn tại nhiều công trình xây dựng nói chung là hệ thống đơn giá, định mức. Thực tế, nhiều đơn giá, định mức không phù hợp thực tế xây dựng, lạc hậu.

Đồng thời, muốn áp dụng công nghệ mới vào thi công xây dựng, nhưng chưa có quy định, định mức thì rất khó thanh toán. Nhiều nhà thầu được tạm ứng thanh toán cao nhất 80% nên nếu chưa xây dựng xong phương án về đơn giá sẽ bị “treo” số tiền còn lại, dẫn đến rất khó khăn trong duy trì dòng vốn lưu thông để tham gia các gói thầu khác.

Thống nhất trong điều chỉnh các chính sách đầu tư xây dựng

Theo đánh giá của các chuyên gia, việc cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng rất quan trọng. Một mắt xích được sửa chữa, bôi trơn nhưng các mắt xích còn lại vẫn “giậm chân tại chỗ” thì cả bộ máy cũng không thể hoạt động trơn tru được. Đồng thời, thủ tục hành chính liên quan đầu tư xây dựng chịu sự chi phối của một “rừng” luật, do đó, cần một chương trình tổng thể với sự tham gia chỉ đạo thống nhất từ cấp cao nhất.

Chủ tịch Tập đoàn Nam Long Nguyễn Xuân Quang cho rằng, hiện nay nhà ở xã hội đang dần vắng bóng trên thị trường, cần xây dựng chính sách đặc thù cho nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá rẻ hướng đến xã hội hóa; xây dựng các tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình theo hướng tăng mật độ xây dựng, tăng hệ số sử dụng đất; giảm thuế VAT, tiếp tục triển khai các gói hỗ trợ tài chính cho người mua nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá rẻ. Để đẩy nhanh xây dựng nhà ở xã hội, ông Quang đề xuất điều chỉnh chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư với nhà ở xã hội phù hợp thực tế; thay việc miễn tiền sử dụng đất bằng việc không thực hiện tiền sử dụng đất với nhà ở xã hội.

Quan trọng hơn là thành lập Ban chỉ đạo liên bộ ở trong chương trình nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá rẻ, trong đó, Bộ Xây dựng làm nòng cốt cùng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính. Hiện nay, chúng ta thiếu một “nhạc trưởng” để điều phối, quyết định then chốt để thực hiện chương trình này một cách nhanh và hiệu quả nhất.

Ủy viên Thường trực Ủy ban Kinh tế của Quốc hội Phan Đức Hiếu cho rằng, áp lực từ dịch bệnh đã tạo cơ hội để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa trong công tác cải cách thủ tục hành chính đầu tư xây dựng. Việc số hóa ứng dụng hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi phải thay đổi thiết kế lại thủ tục hành chính trên tư duy số.

Chính vì vậy, sự phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương là rất quan trọng bởi ách tắc một thủ tục liên quan cả quy trình, do vậy cần có một đơn vị tiên phong, chủ động rà soát, đề xuất, phối hợp tốt hơn với các bên liên quan.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị cho biết, Bộ đã xác định ba nhóm nhiệm vụ trọng tâm cần lãnh đạo, chỉ đạo có kết quả trong thời gian tới. Thứ nhất, tập trung rà soát sửa đổi bổ sung, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan ngành xây dựng.

Bộ Xây dựng xác định đây là khâu đột phá theo hướng bảo đảm đồng bộ thống nhất, tháo gỡ những chông chéo, bất cập, đúng chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho môi trường đầu tư kinh doanh, tăng cường công tác quản lý nhà nước, tránh buông lỏng, tăng cường thực hiện phân cấp phân quyền cho địa phương nhưng cũng có cơ chế kiểm tra giám sát và quy định để xử lý. Thứ hai, tập trung cho công tác quy hoạch và phát triển đô thị.

Rà soát đổi mới phương pháp lập quy hoạch đô thị, phát triển đô thị, bảo đảm chất lượng, tầm nhìn cũng như các yếu tố phát triển đô thị bền vững. Thứ ba, quan tâm phát triển nhà ở, đặc biệt là nhà ở xã hội, nhà ở cho phân khúc thu nhập thấp và trung bình, góp phần ổn định thị trường bất động sản.

Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục nghiên cứu xem xét để có thể sửa đổi bổ sung, điều chỉnh phù hợp các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ. Đồng thời, tích cực phối hợp các bên liên quan hoàn thiện các thủ tục hành chính về đầu tư xây dựng theo hướng thông thoáng, thuận lợi, minh bạch hơn.

Nguồn: nhandan.vn

CHÍNH PHỦ: QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN ĐƯA LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC TẠI NƯỚC NGOÀI

Ngày 10/12, Chính phủ ban hành Nghị định số 112/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, trong đó có quy định điều kiện đưa lao động đi làm việc tại nước ngoài.

Cụ thể, đối với doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài, Nghị định quy định doanh nghiệp dịch vụ phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 10 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và đáp ứng các điều kiện:

1. Đang thực hiện hợp đồng cung ứng lao động Việt Nam đi làm việc tại nước tiếp nhận.

2. Có đủ số lượng nhân viên nghiệp vụ để thực hiện nội dung hoạt động và đáp ứng tiêu chuẩn sau: Có ít nhất 1 nhân viên nghiệp vụ thực hiện hoạt động tìm kiếm, phát triển thị trường lao động ngoài nước có năng lực ngoại ngữ phù hợp với nước tiếp nhận lao động và ít nhất 1 năm kinh nghiệm về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước tiếp nhận; có ít nhất 1 nhân viên nghiệp vụ thường trực ở nước ngoài để thực hiện hoạt động quản lý người lao động, có năng lực ngoại ngữ phù hợp với nước tiếp nhận lao động và ít nhất 1 năm kinh nghiệm về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước tiếp nhận; có ít nhất 1 nhân viên nghiệp vụ thực hiện hoạt động giáo dục định hướng có ít nhất 1 năm kinh nghiệm về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước tiếp nhận.

3. Phải bảo đảm người lao động đã có kinh nghiệm làm giúp việc gia đình ở nước ngoài, hoặc có kiến thức làm giúp việc gia đình và trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của bên nước ngoài tiếp nhận lao động theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

Điều kiện đưa người lao động đi làm việc tại Đài Loan, Nhật Bản

Ngoài ra, Nghị định cũng quy định rõ điều kiện hoạt động đưa người lao động đi làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc) và Nhật Bản.

Theo đó, doanh nghiệp dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc) và Nhật Bản phải duy trì các điều kiện quy định tại Điều 10 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và đáp ứng các điều kiện:

1. Có đủ số lượng nhân viên nghiệp vụ để thực hiện nội dung hoạt động và đáp ứng các tiêu chuẩn sau: Có ít nhất 1 nhân viên nghiệp vụ thực hiện hoạt động tìm kiếm, phát triển thị trường lao động ngoài nước có năng lực tiếng Trung trình độ tối thiểu HSK5, tiếng Nhật trình độ tối thiểu N2 (chuẩn JLPT) hoặc tương đương; có ít nhất 1 nhân viên nghiệp vụ thực hiện hoạt động quản lý người lao động có năng lực tiếng Trung trình độ tối thiểu HSK5, tiếng Nhật trình độ tối thiểu N2 (chuẩn JLPT), hoặc tương đương và ít nhất 1 năm kinh nghiệm về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc) và Nhật Bản; có ít nhất 1 nhân viên nghiệp vụ thực hiện hoạt động giáo dục định hướng có ít nhất 01 năm kinh nghiệm về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc), Nhật Bản.

2. Đối với thị trường lao động Đài Loan (Trung Quốc), doanh nghiệp dịch vụ phải không bị xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trong thời hạn 2 năm tính đến ngày đề nghị Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội giới thiệu với cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan (Trung Quốc). Còn đối với thị trường Nhật Bản, doanh nghiệp dịch vụ phải đáp ứng các tiêu chuẩn đối với doanh nghiệp dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Nhật Bản theo thỏa thuận giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội với cơ quan có thẩm quyền của Nhật Bản...

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ TÀI CHÍNH: BAN HÀNH MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI

*** Ngày 25/11, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 105/2021/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập, quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.**

Theo đó, về trích lập quỹ tiền lương, thù lao của Trưởng ban Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, Thông tư quy định, Quý I hằng năm, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thực hiện xác định quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của Trưởng ban Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 52/2016/NĐ-CP.

Trước ngày 15 hằng tháng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thực hiện chuyển 80% số tiền lương, thù lao kế hoạch năm chia 12 tháng (sau khi trừ khoản phải nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các khoản khác theo quy định của pháp luật) về quỹ tiền lương, thù lao của Trưởng ban Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu quản lý.

Trước ngày 20 hằng tháng, cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện chi trả tiền lương, thù lao cho Trưởng ban Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên vào tài khoản cá nhân của Trưởng ban Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên (80% của số tiền lương, thù lao theo kế hoạch năm chia 12 tháng; đối với Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam và Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam là 85% của số tiền lương, thù lao theo kế hoạch năm chia 12 tháng).

Trong thời hạn 15 ngày sau khi quyết toán quỹ tiền lương theo quy định khi kết thúc năm tài chính, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thực hiện chuyển phần tiền lương, thù lao còn lại của Trưởng ban Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên theo số đã được quyết toán về quỹ tiền lương, thù lao của Trưởng ban Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên tại cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên, cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện chi trả phần tiền lương, thù lao còn lại cho Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên theo quy định.

Thông tư nêu rõ, tiền thưởng của Trưởng ban Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên bao gồm tiền thưởng hàng năm và thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ.

Khi thực hiện quyết định chi thưởng hàng năm cho người quản lý, cán bộ công nhân viên của công ty, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thực hiện chuyển 90% tiền thưởng năm của Trưởng ban Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên về quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Trưởng ban Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên tại cơ quan đại diện chủ sở hữu

Tối đa 15 ngày kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển tiền thưởng năm của Trưởng ban Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên, cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện chi trả tiền thưởng năm cho Trưởng ban Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, số tiền chi tối đa là 90% tiền thưởng năm.

Phần còn lại của quỹ tiền thưởng hàng năm được lập thành quỹ tiền thưởng nhiệm kỳ. Căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ cả nhiệm kỳ, cơ quan đại diện chủ sở hữu chi trả phần còn lại cho Trưởng ban Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên theo quy định.

Đối với công khai thông tin về tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Trưởng ban Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên: Trước ngày 31/5 hằng năm, cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện công khai thông tin về quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng, mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng bình quân tháng, năm (năm trước liền kề) của Trưởng ban Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên trên trang thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu và gửi về Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội để tổng hợp theo dõi.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2022.

*** Ngày 10/12, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 110/2021/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài.**

Thông tư quy định các nội dung chi không hoàn lại gồm: Chi phí cho cán bộ của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đi công tác phục vụ nhiệm vụ bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài; đi thăm lãnh sự để tìm hiểu tình hình đối với các trường hợp công dân bị bắt, bị tạm giam, tạm giữ, bị xét xử, tù đày. Mức chi các khoản tiền vé máy bay, tàu xe đi lại, tiền xăng dầu, tiền công tác phí theo chế độ quy định.

Chi trợ giúp những trường hợp công dân đặc biệt khó khăn, bị mắc bệnh hiểm nghèo, trợ giúp các khoản chi phí đưa công dân là nạn nhân của tội phạm mua bán người về nước: Trợ giúp những trường hợp công dân đặc biệt khó khăn, khi tự họ và gia đình họ không có khả năng tài chính để khắc phục, các khoản chi phí di chuyển tại nước sở tại; chi phí lương thực, thực phẩm, nơi ở tạm thời và nhu yếu phẩm cần thiết khác. Mức chi theo chứng từ chi thực tế đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Những trường hợp công dân bị mắc bệnh hiểm nghèo (danh mục các bệnh hiểm nghèo theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam), tử vong, bị tai nạn nghiêm trọng nguy cơ đến tính mạng, khi tự họ và gia đình họ không có khả năng tài chính để khắc phục; hoặc các trường hợp gặp rủi ro nghiêm trọng cần bảo hộ (chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, khủng bố), nếu cần trợ giúp thêm chi phí phương tiện về nước và các chi phí khác có liên quan thì cơ

quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài báo cáo đơn vị trong nước được Bộ Ngoại giao giao nhiệm vụ thực hiện công tác bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài để báo cáo Bộ trưởng Bộ Ngoại giao xem xét quyết định đối với từng trường hợp cụ thể và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Theo Thông tư, chi tạm ứng tiền mua vé phương tiện về nước, chi trả các khoản chi phí về đảm bảo y tế (bao gồm viện phí và các chi phí khác liên quan đến đảm bảo y tế), chi phí cư trú tạm thời và các chi phí khác cho công dân trong các trường hợp:

Đương sự có đặt cọc hoặc bảo lãnh của gia đình, thân nhân, tổ chức trong nước, chủ tàu đưa ngư dân, người lao động đi làm việc và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bằng văn bản.

Trong trường hợp đặc biệt khẩn cấp, nếu đương sự không có đặt cọc hoặc bảo lãnh của gia đình, thân nhân, tổ chức trong nước, chủ tàu đưa ngư dân, người lao động đi làm việc, thì đương sự phải có cam kết hoàn trả các chi phí tạm ứng cho đơn vị trong nước được Bộ Ngoại giao giao nhiệm vụ thực hiện công tác bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài. Thủ trưởng cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, căn cứ theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, xem xét quyết định chi tạm ứng đối với từng trường hợp đặc biệt khẩn cấp cụ thể.

Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chỉ được chi tạm ứng sau khi đương sự có các biện pháp đặt cọc, bảo lãnh, cam kết quy định.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 26/01/2022.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI: BAN HÀNH MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI

*** Ngày 30/11, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư số 29/2021/TT-BGTVT quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.**

Theo Thông tư quy định, người khai thác cảng hàng không, sân bay phải cung cấp dịch vụ xe dẫn tàu bay (follow-me) theo yêu cầu của người khai thác tàu bay. Đối với cảng hàng không, sân bay chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn cho tàu bay tự di chuyển an toàn vào vị trí đỗ tàu bay hoặc khi kết quả nhận dạng mối nguy và đánh giá rủi ro chỉ ra cần tăng cường giải pháp dẫn tàu bay ra vào vị trí đỗ tàu bay để bảo đảm an toàn khai thác, người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm cung cấp miễn phí dịch vụ xe dẫn tàu bay để dẫn dắt tàu bay vào vị trí đỗ tàu bay; lập kế hoạch khắc phục cơ sở hạ tầng của sân bay.

Khu vực sân đỗ tàu bay để phục vụ bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay phải được bố trí biệt lập so với nhà ga hành khách, hàng hóa để giảm tối đa ảnh hưởng đến nhà ga hành khách, hàng hóa do tiếng ồn, luồng khí thải, nhiên liệu gây ra. Người quản lý, khai thác sân đỗ tàu bay phục vụ bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay phải kiểm tra, bảo đảm điều kiện khai thác; phải có biện pháp giảm thiểu khí thải động cơ tàu bay và tiếng ồn trong quá trình thử động cơ tàu bay; vận

hành có hệ thống thu gom và xử lý nước thải, dầu thải và các chất thải độc hại khác bảo đảm tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay lập phương án vận hành tàu bay trên đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, cập nhật vào tài liệu khai thác sân bay, trừ trường hợp áp dụng tạm thời trong giai đoạn cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình.

Người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm kiểm tra thường xuyên tình trạng mặt đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay nhằm loại bỏ các vật ngoại lai; xác định, công bố tình trạng mặt đường cất hạ cánh cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay để điều hành an toàn hoạt động bay, khai thác mặt đất theo quy định.

Ngoài ra, người khai thác cảng hàng không, sân bay còn có trách nhiệm thực hiện các biện pháp nhằm ngăn ngừa tàu bay di chuyển vào các đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ đang đóng cửa; nhận dạng mối nguy và đánh giá rủi ro, xác định các ảnh hưởng đối với an toàn khai thác khi có sự thay đổi các thông số kỹ thuật và phương án khai thác của kết cấu hạ tầng sân bay.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2022.

*** Ngày 30/11, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư số 28/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2016/TT-BGTVT ngày 15/11/2016 quy định mức giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh do Bộ Giao thông vận tải quản lý.**

Trong đó, Thông tư sửa đổi, bổ sung Điều 8 quy định về vé sử dụng đường bộ. Cụ thể, vé dịch vụ sử dụng đường bộ áp dụng đối với phương tiện tham gia giao thông qua trạm, bao gồm: Vé lượt, vé tháng và vé quý.

Vé lượt được phát hành với mệnh giá theo mức thu cho một lần sử dụng dịch vụ tương ứng với từng phương tiện.

Vé tháng được phát hành theo thời hạn 30 ngày kể từ ngày có giá trị sử dụng với mệnh giá theo mức thu tháng quy định tương ứng với từng phương tiện. Mệnh giá vé tháng bằng 30 lần mệnh giá vé lượt. Vé tháng dùng để thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ đối với phương tiện tham gia giao thông qua trạm trong thời hạn cụ thể ghi trên vé kể từ ngày có giá trị sử dụng vé đến ngày kết thúc theo thời hạn cụ thể ghi trên vé.

Vé quý được phát hành theo thời hạn 90 ngày kể từ ngày có giá trị sử dụng với mệnh giá theo mức thu quý quy định tương ứng với từng phương tiện. Mệnh giá vé quý bằng 3 lần mệnh giá vé tháng và chiết khấu 10%. Vé quý dùng để thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ đối với phương tiện tham gia giao thông qua trạm trong thời hạn cụ thể ghi trên vé kể từ ngày có giá trị sử dụng vé quý đến ngày kết thúc theo thời hạn cụ thể ghi trên vé.

Đối với hình thức thu phí điện tử không dừng, vé dịch vụ sử dụng đường bộ được phát hành dưới dạng chứng từ điện tử.

Vé đường bộ toàn quốc áp dụng riêng đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an nộp phí sử dụng đường bộ theo quy định của Bộ Tài chính.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng sửa đổi, bổ sung Điều 5 về điều kiện thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ. Theo đó, hoàn thành việc xây dựng công trình đường bộ theo quy định tại hợp đồng dự án ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án hoặc hoàn thành việc xây dựng công trình đường bộ theo dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Đơn vị thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ đã chuẩn bị đầy đủ các loại vé, hoàn thành các quy định về xây dựng, tổ chức và hoạt động của trạm thu phí theo quy định.

Ngoài ra, Thông tư cũng quy định rõ Tổng cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án, đơn vị thu.

Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án, đơn vị thu có trách nhiệm thực hiện thông báo công khai, niêm yết các thông tin về mức giá, đối tượng miễn thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ tại trạm thu phí theo quy định; thực hiện chuyển vé tháng và vé quý sang sử dụng hình thức thu phí tự động không dừng đối với các trạm thu phí đã triển khai thu phí tự động không dừng.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2022.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ CÔNG THƯƠNG: QUY ĐỊNH MỚI VỀ KINH DOANH XĂNG DẦU

Bộ Công Thương vừa bổ sung một số quy định mới trong kinh doanh xăng dầu như quy định về điều hành giá xăng dầu; về thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ và đăng ký hạn mức tổng nguồn xăng dầu tối thiểu hàng năm.

Đây là các quy định mới tại Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2014/TT-BCT quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Theo đó, Thông tư số 17/2021/TT-BCT bổ sung quy định về “Điều hành giá xăng dầu” như sau: Các mặt hàng xăng dầu nhà nước công bố giá cơ sở là những mặt hàng xăng, dầu được tiêu dùng phổ biến trên thị trường gồm xăng sinh học, xăng khoáng, dầu diesel, dầu hỏa, dầu mazut. Bộ Công Thương xác định từng mặt hàng xăng, dầu tiêu dùng nhiều nhất thuộc các nhóm mặt hàng xăng sinh học, xăng khoáng, dầu diesel, dầu hỏa, dầu mazut để thực hiện công bố giá cơ sở.

Về báo cáo lượng xăng dầu sản xuất trong nước: Định kỳ, trước ngày 29 của tháng cuối Quý, thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu báo cáo sản lượng bán xăng dầu trong nước theo từng chủng loại trong kỳ từ ngày 21 tháng trước liền kề tháng đầu tiên của Quý đến ngày 20 tháng cuối Quý về Bộ Công Thương để tổng hợp tính toán, xác định tỷ trọng (%) sản lượng xăng dầu từ nguồn trong nước và nhập khẩu trong công thức giá cơ sở.

Đồng thời, Thông tư cũng bổ sung nội dung về “Thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ”. Cụ thể, thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ là thiết bị bao gồm đồng hồ đo xăng dầu và thùng chứa xăng, dầu có sức chứa tính tại nhiệt độ thực tế không quá 200 lít/thiết bị.

Địa bàn được phép hoạt động của thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ là những địa bàn thuộc các huyện theo danh mục kèm theo Quyết định số 964/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 - 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định này.

Thông tư nêu rõ, trước ngày 15/11 hàng năm, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký hạn mức tổng nguồn xăng dầu tối thiểu của năm kế tiếp theo quy định tại Khoản 25 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP về Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước).

Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký của thương nhân, căn cứ nhu cầu xăng dầu của nền kinh tế quốc dân và đăng ký của thương nhân, Bộ Công Thương giao tổng nguồn xăng dầu tối thiểu phục vụ tiêu thụ nội địa cả năm theo cơ cấu chủng loại cho từng thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu.

Trường hợp không phân giao hạn mức tổng nguồn xăng dầu tối thiểu, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp có nhu cầu điều chỉnh hạn mức tổng nguồn xăng dầu tối thiểu, thương nhân gửi công văn về Bộ Công Thương trước ngày 30/9 hàng năm.

Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu phải đảm bảo tiến độ nhập khẩu hoặc mua xăng dầu trong nước theo quy định hoặc theo văn bản hướng dẫn của Bộ Công Thương trong trường hợp Bộ Công Thương có văn bản hướng dẫn cụ thể tiến độ nhập khẩu hoặc mua xăng dầu trong nước để đảm bảo nguồn cung xăng dầu trong nước.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 02/01/2022.

Nguồn: baohinhphu.vn

BỘ Y TẾ: BỔ SUNG QUY ĐỊNH ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ BAN NGÀY VỀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Ngày 12/12, Bộ Y tế ban hành Thông tư số 24/2021/TT-BYT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2013/TT-BYT ngày 31/12/2013 quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ sở phục hồi chức năng.

Thông tư bổ sung Điều 4a quy định điều trị nội trú ban ngày về phục hồi chức năng. Theo đó, việc chỉ định điều trị nội trú ban ngày về phục hồi chức năng đối với người bệnh thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của bác sĩ có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và phải đáp ứng các tiêu chí sau: a) Tình trạng sức khỏe, bệnh lý của người bệnh phải điều trị nội trú và không cần theo dõi, điều trị liên tục

24/24 giờ tại cơ sở phục hồi chức năng nhưng vẫn bảo đảm chất lượng, mục đích, yêu cầu của điều trị phục hồi chức năng; b) Tổng thời gian theo dõi, chăm sóc, thực hiện các phương pháp y học, kỹ thuật phục hồi chức năng đối với người bệnh theo yêu cầu chuyên môn tại cơ sở phục hồi chức năng không dưới 4 giờ trong một ngày.

Người bệnh điều trị nội trú ban ngày về phục hồi chức năng được chuyển sang điều trị nội trú hoặc chuyển từ điều trị nội trú sang điều trị nội trú ban ngày về phục hồi chức năng theo chỉ định của bác sỹ.

Người bệnh đáp ứng tiêu chí trên nhưng không cư trú trên cùng địa bàn huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở cơ sở phục hồi chức năng thì người bệnh có thể được điều trị nội trú ban ngày về phục hồi chức năng hoặc điều trị nội trú 24/24 giờ.

Người bệnh điều trị nội trú ban ngày về phục hồi chức năng được bác sỹ thăm khám lâm sàng, cận lâm sàng hằng ngày hoặc theo lịch hẹn của bác sỹ điều trị và được hưởng chế độ điều trị nội trú, theo dõi và chăm sóc trong thời gian điều trị nội trú ban ngày về phục hồi chức năng. Các lần thăm khám hằng ngày trong thời gian điều trị nội trú ban ngày về phục hồi chức năng không được tính tiền khám bệnh.

Thủ tục, quy trình khám bệnh, chữa bệnh, hồ sơ bệnh án ứng dụng công nghệ thông tin đối với điều trị nội trú ban ngày về phục hồi chức năng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng nêu rõ giường bệnh điều trị nội trú ban ngày về phục hồi chức năng. Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước: Giường bệnh điều trị nội trú ban ngày về phục hồi chức năng nằm trong tổng số giường kế hoạch do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân: Giường bệnh điều trị nội trú ban ngày về phục hồi chức năng nằm trong tổng số giường bệnh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã đăng ký và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Số người bệnh cần phục hồi chức năng được chỉ định điều trị nội trú ban ngày về phục hồi chức năng tối đa không quá 03 người trên một giường bệnh trong một ngày.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2022.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG: TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Ngày 29/11, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 21/2021/TT-BTNMT quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Thông tư quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường, gồm: Đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; viễn thám.

Theo Thông tư quy định, đơn vị sự nghiệp công lập được phân loại dựa trên chức năng, nhiệm vụ và mức độ tự chủ về tài chính.

Theo chức năng, nhiệm vụ, đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ quản lý nhà nước gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng nghiên cứu phục vụ hoạch định chiến lược và xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường; đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng điều tra cơ bản, quan trắc về tài nguyên và môi trường; đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thông tin nghiên cứu khoa học, lý luận, nghiệp vụ; các hoạt động quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động ngành tài nguyên và môi trường; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế phục vụ đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nhân lực; Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện các chức năng khác phục vụ quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lập gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng, nhiệm vụ cung cấp ít nhất một trong các dịch vụ thuộc Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác thuộc ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện ít nhất một trong các chức năng, nhiệm vụ quy định.

Việc xác định loại hình đơn vị sự nghiệp công lập trong ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Theo mức độ tự chủ về tài chính, đơn vị sự nghiệp công lập gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi

thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Việc xác định mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trong ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/2/2022.

Nguồn: baochinhpvu.vn

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM: SỬA ĐỔI HƯỚNG DẪN CHO VAY VỐN ƯU ĐÃI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH NHÀ Ở XÃ HỘI

Ngày 30/11, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 20/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cho vay vốn ưu đãi thực hiện chính sách nhà ở xã hội.

Thông tư sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 6 Thông tư số 25/2015/TT-NHNN về mức cho vay như sau: Đối với khách hàng vay vốn ưu đãi để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở của mình thì mức vốn cho vay tối đa bằng 70% giá trị dự toán hoặc phương án vay, tối đa không quá 500 triệu đồng và không vượt quá 70% giá trị tài sản bảo đảm tiền vay.

Thông tư cũng sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 7 về thời hạn cho vay như sau: Đối với đối tượng khách hàng quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư này là đối tượng vay vốn xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở: Thời hạn cho vay do ngân hàng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng và tối đa không quá 25 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.

Bên cạnh đó, sửa đổi, bổ sung Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 10 về lãi suất cho vay như sau: Lãi suất cho vay ưu đãi đối với khách hàng để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở do Ngân hàng Nhà nước xác định và công bố trong từng thời kỳ.

Lãi suất cho vay ưu đãi quy định đối với khách hàng vay vốn đầu tư xây dựng nhà ở xã hội do Ngân hàng Nhà nước xác định và công bố trong từng thời kỳ và lãi suất cho vay ưu đãi đối với khách hàng để mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ đảm bảo nguyên tắc: Không vượt quá 50% lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng thương mại trong cùng thời kỳ.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 20/01/2022.

Nguồn: baochinhpvu.vn

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Bộ Chính trị:

Quyết định Giao Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Y tế Nguyễn Thanh Long kiêm nhiệm chức Trưởng ban Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương.

Quyết định nghỉ hưu đối với nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Bộ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Thị Kim Tiến, nguyên Trưởng ban Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương.

* Chủ tịch nước quyết định:

Bổ nhiệm chức danh Thẩm phán Cao cấp đối với ông Trần Văn Vui, Thẩm phán trung cấp, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, kể từ ngày 12/10/2021.

* Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn, bổ nhiệm:

Bà Phạm Thúy Chinh, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội.

Ông Tạ Đình Thi, Tổng Cục trưởng Tổng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội.

Ông Nguyễn Văn An, Phó Tổng Giám đốc Truyền hình Quốc hội Việt Nam giữ chức vụ Ủy viên Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội.

Bà Trần Thị Hồng An, Ủy viên chuyên trách Ủy ban Xã hội của Quốc hội giữ chức vụ Ủy viên Thường trực Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội.

Ông Nguyễn Tuấn Anh, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giữ chức vụ Phó trưởng Ban Công tác Đại biểu thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Nguyễn Hoàng Hải, Vụ trưởng Vụ Kinh tế dịch vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Thường trực Quốc hội Trần Thanh Mẫn.

Ông Lê Hoàng Hải, Giám đốc Trung tâm Tin học, Văn phòng Quốc hội giữ chức vụ Ủy viên chuyên trách Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội;

Ông Tráng A Dương, Quyền Vụ trưởng Vụ Địa phương II, Ủy ban Dân tộc giữ chức vụ Ủy viên chuyên trách Hội đồng Dân tộc.

Bổ nhiệm ông Phạm Mạnh Khởi, Vụ trưởng Vụ Cơ sở đảng, đảng viên, Ban Tổ chức Trung ương, giữ chức vụ Phó Trưởng Ban Công tác đại biểu thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

* Bộ Công an:

Thượng tá Trần Văn Thi, Trưởng Công an huyện Trần Văn Thời được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công an tỉnh Cà Mau.

*** Tòa án nhân dân tối cao:**

Ông Phạm Xuân Hưng, Thẩm phán Trung cấp, Chánh án Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, kể từ ngày 15/11/2021.

*** Tỉnh Vĩnh Long:**

Ông Nguyễn Hiếu Nghĩa, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Ông Lê Minh Đức, Bí thư Huyện ủy Bình Tân được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Vĩnh Long.

Ông Phạm Minh Hoàng, Phó Trưởng ban Ban Nội chính Tỉnh ủy được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Bình Tân, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Nguyễn Minh Thiện, Phó Bí thư Tỉnh đoàn được điều động, giới thiệu bầu giữ chức danh Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh Vĩnh Long, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Ông Trần Văn Bé Năm, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ông Lưu Nhất Linh, Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy.

Ông Đoàn Thanh Tú, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy - Thư ký đồng chí Bí thư Tỉnh ủy.

Bà Trần Thị Mỹ Linh, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy, Giám đốc Trung tâm chính trị TP. Vĩnh Long được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ông Lê Thanh Tâm, Phó Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Nội vụ.

Ông Nguyễn Văn Việt, Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Ông Phan Hữu Danh, Trưởng phòng Phòng chống tham nhũng, thanh tra tỉnh được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Thanh tra tỉnh.

Ông Phan Thanh Hoàng, Chánh Văn phòng Sở Tài chính được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Tài chính.

Ông Đinh Quang Huy, Trưởng phòng Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông và chất lượng công trình giao thông, Sở Giao thông vận tải được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

Nguồn: baochinhpvu.vn